

Số: ~~486~~ /TTr - UBND

Hà Nội, ngày ~~28~~ tháng ~~11~~ năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua **Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065**
(Thay thế Tờ trình số 481/TTr-UBND ngày 26/11/2023 của UBND Thành phố)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015.

Căn cứ Thông báo số 1074 /TB-UBND ngày 14/11/2023 Kết luận của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với nội dung Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Theo đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Văn bản số 5918/QHKT-(DL+Pi) ngày 24/11/2023 kèm theo hồ sơ đề nghị UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố thông qua chủ trương đối với đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thống nhất trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, thông qua đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập điều chỉnh quy hoạch:

a. Phạm vi, ranh giới và quy mô nghiên cứu: Toàn bộ địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 quận, 17 huyện và 01 thị xã; với quy mô khoảng 3.359,84 km².

b. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030 (*phù hợp với thời kỳ của Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*);

- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045 (*phù hợp với định hướng Nghị quyết Số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*).

- Tầm nhìn: đến năm 2065 (*theo ý kiến của Hội đồng thẩm định ngày 12/4/2023 để thống nhất với Khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch đô thị 2009 về thời hạn, tầm nhìn quy hoạch, quy định tầm nhìn quy hoạch đến năm 50 năm*); trong đó có tính đến năm 2050 để thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo các nghiên cứu, dự báo, dự phòng, phương hướng, xu hướng phát triển dài hạn tương lai.

2. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Hiện thực hóa chủ trương, định hướng đã báo cáo được Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua tại các Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 28/11/2022, số 20-NQ/TU ngày 27/4/2023 và Kết luận số 118-KL/TU ngày 15/5/2023 về định hướng đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; đồng bộ với chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị tại các Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 về Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng bộ với các chiến lược, chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Thủ đô, thống nhất, tích hợp, kết nối đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô, các quy hoạch tỉnh, chuyên ngành, ngành, lĩnh vực có liên quan, đặc biệt đã đồng bộ, tích hợp, thống nhất với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được đồng thời lập, đáp ứng những yêu cầu phát triển mới;

- Phát triển Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực. Thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới;

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội có tổng thể không gian phát triển năng động, hòa nhập, khai thác các giá trị tiềm năng của vùng địa lý cảnh quan tự nhiên, tiềm năng về tri thức - công nghệ và lịch sử văn hoá truyền thống. Hiệu quả trong sử dụng đất đai và có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, môi trường bền vững;

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch nhằm cụ thể các định phát triển Thủ đô Hà Nội theo mô hình đô thị thông minh, thành phố sáng tạo, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Kế thừa mô hình cấu trúc phát triển, các định hướng chiến lược của Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống lịch sử, cân đối hài hòa giữa phát triển đô thị và nông thôn; Rà soát điều chỉnh các giải pháp quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế, bối cảnh phát triển mới và điều chỉnh các tồn tại bất cập của quy hoạch chung trong quá trình triển khai giai đoạn vừa qua;

- Là căn cứ khoa học và công cụ pháp lý quan trọng để quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng và hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, xây dựng chính sách phát triển Thủ đô Hà Nội và triển khai tiếp công tác đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thống nhất về quy hoạch xây dựng, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của Thành phố, Vùng và Quốc gia

3. Đánh giá thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 (QHC2011):

Thành phố Hà Nội đã tiến hành đánh giá thực hiện Quy hoạch chung năm 2011. Qua 12 năm xây dựng phát triển đô thị nông thôn đã đạt được những kết quả gồm: Bộ mặt khu vực đô thị trung tâm đã chuyển biến tích cực, cảnh quan nâng cao; hình thành một số Khu đô thị lớn, hoàn chỉnh cấu trúc tổng thể, kiến trúc không gian, chi tiết cảnh quan và dịch vụ xã hội khép kín. Một số đơn vị cấp huyện ngoại thành Hà Nội có tốc độ đô thị hóa nhanh. HTKT, HTXH được quan tâm đầu tư; Xử lý rác thải, nước thải, ô nhiễm ao, hồ... cải thiện đáng kể. Công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đất đai, đô thị, trật tự, kỷ cương xã hội được tăng cường. Nếp sống văn minh đô thị có chuyển biến tích cực. Xây dựng nông thôn đạt kết quả nổi bật. Tuy nhiên, đối chiếu với định hướng Quy hoạch chung năm 2011, xác định 07 tồn tại, hạn chế bao gồm:

(1) Tỷ lệ đô thị hoá vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra.

(2) Quy mô dân số đã vượt ngưỡng dự báo. Việc quản lý, kiểm soát dân số tại khu vực Đô thị trung tâm và giãn dân nội đô gặp nhiều khó khăn.

(3) Mô hình phát triển chùm đô thị chưa đạt được yêu cầu. Phát triển đô thị chưa đồng đều và chưa tương xứng với tiềm năng. Tiến độ triển khai các đô thị vệ tinh theo quy hoạch còn chậm.

(4) Công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội theo định hướng Quy hoạch chung năm 2011 và Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chưa bảo đảm tiến độ: Ảnh hưởng đến quỹ đất bàn giao cho Thành phố sau khi di dời để bổ sung hệ thống HTXH, HTKT

còn thiếu cho khu vực. Công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ gặp nhiều khó khăn vướng mắc, không đảm bảo yêu cầu đặt ra.

(5) Phát triển đô thị còn phân tán, dàn trải, chưa đồng bộ: Các khu đô thị mới phát triển nhanh song còn dàn trải, chưa cân đối giữa phát triển mới với tái thiết. Phát triển hạ tầng kinh tế (các khu, CCN, làng nghề, TTTM, chợ, khu du lịch,...) và HTXH chưa theo kịp định hướng quy hoạch, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

(6) Kết cấu hạ tầng đô thị chưa đồng bộ, chưa theo kịp nhu cầu phát triển đô thị hiện đại: Tiến độ đầu tư kết cấu giao thông còn chậm. Tỷ lệ đất dành cho giao thông, tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng chưa đạt kế hoạch. Tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị còn chưa cao; Hạ tầng giao thông phục vụ kết nối liên vùng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Tốc độ phát triển hạ tầng giao thông vận tải chưa theo kịp tốc độ phát triển đô thị.

(7) Công tác đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch còn hạn chế, đặc biệt là hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung: Tiến độ triển khai một số dự án HTKT thiết yếu còn chậm.

4. Các vấn đề trọng tâm nghiên cứu, điều chỉnh:

4.1. Nguyên tắc điều chỉnh Quy hoạch chung:

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, trên cơ sở cập nhật các quy định pháp luật mới, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với quy hoạch phát triển Thủ đô Hà Nội (Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045);

- Phù hợp với các chủ trương, định hướng phát triển mới của Đảng, Nhà nước và Thành phố; dự báo dân số và định hướng điều tiết phân bố dân cư phù hợp với khả năng đáp ứng ngưỡng giới hạn về HTXH, HTKT của quỹ đất phát triển;

- Kế thừa mô hình cấu trúc phát triển, định hướng phát triển không gian, khung kết cấu hạ tầng đã được phê duyệt, trên cơ sở rà soát có chọn lọc các nội dung phù hợp với tình hình hiện nay của Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt năm 2011 (bảo tồn, cải tạo, tái thiết, các dự án đầu tư,...); Đảm bảo sự liên kết thuận lợi giữa đô thị trung tâm và các đô thị khác, các khu chức năng. Đảm bảo duy trì vùng đệm, vùng sinh thái giữa các đô thị;

- Kế thừa và phát huy các kết nối vùng và liên vùng; Xác định các khu vực động lực phát triển đảm bảo tính khả thi để triển khai thực hiện quy hoạch và linh hoạt trong các giải pháp phát triển đô thị, nông thôn, cải tạo chỉnh trang đô thị;

4.2. Các nội dung trọng tâm điều chỉnh quy hoạch:

(1) Thống nhất và đồng bộ với nghiên cứu Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Nghiên cứu các định hướng quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch Vùng Thủ đô liên quan tới Thủ đô Hà Nội. Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới của Thủ đô, nắm bắt các cơ hội phát triển mới, định hướng cho các ngành kinh tế chủ đạo như: Dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế trọng tâm của Thủ

đô Hà Nội. Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong bối cảnh phát triển của khu vực, các cơ hội phát triển mới, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển, hài hòa với yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng quốc gia. Nghiên cứu, cập nhật những chủ trương, định hướng quan trọng của quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan đến phạm vi Thủ đô.

(2) Điều chỉnh dự báo phát triển dân số, lao động, phát triển kinh tế - xã hội: Theo các giai đoạn đến năm 2030, 2045 - 2050, tầm nhìn đến năm 2065 và phân bố dân cư cho các khu vực làm cơ sở điều chỉnh các giải pháp quy hoạch về sử dụng đất, không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong đó xem xét điều chỉnh dự báo dân số phù hợp với thực tế tăng trưởng của Thủ đô Hà Nội, điều chỉnh phương án phân bố dân số tại các khu vực, tỷ lệ đất đô thị - nông thôn, làm cơ sở định hướng giải pháp không gian và hạ tầng đô thị.

(3) Kế thừa và điều chỉnh mô hình cấu trúc phát triển, các định hướng chiến lược của Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô năm 2011: Quy hoạch chung các đô thị vệ tinh, vùng huyện, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch ngành, rà soát điều chỉnh các giải pháp quy hoạch cụ thể như phát triển đô thị vệ tinh, hành lang xanh, vành đai xanh, di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, trường học, bệnh viện và bố trí hệ thống trung tâm chức năng..., điều chỉnh tính chất của một số công viên từ cây xanh thành chuyên đề để thu hút đầu tư xã hội hóa để phù hợp với điều kiện hiện trạng, bối cảnh phát triển mới và đảm bảo khả thi trong phát triển đô thị. Điều chỉnh định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật của thành phố phù hợp với tầm nhìn và thích ứng linh hoạt với các biến động kinh tế - xã hội, gắn với kiểm soát dân số, đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho khu vực đô thị trung tâm.

(4) Đề xuất các giải pháp cụ thể về kiểm soát phát triển không gian đô thị, nông thôn, công trình cao tầng, bố trí các không gian công cộng cho dân cư đô thị và khách du lịch, bố trí hệ thống hạ tầng xã hội theo hướng chất lượng cao; nghiên cứu các hình thái quy hoạch - kiến trúc đặc trưng cho đô thị Hà Nội. Các định hướng chung về quản lý chiều cao công trình, mật độ xây dựng của từng khu vực. Nghiên cứu lựa chọn các chỉ tiêu về sử dụng đất, sử dụng không gian, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu phát triển đối với các khu chức năng đặc thù.

(5) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung theo định hướng quy hoạch ngành quốc gia (đường hàng không, đường bộ, đường thủy, đường sắt) gắn với lộ trình triển khai thực hiện theo từng giai đoạn. Nghiên cứu khớp nối đồng bộ các tính lân cận trong vùng Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng. Nghiên cứu rà soát điều chỉnh bổ sung các tuyến đường trục chính, cầu qua sông Hồng, sông Đuống, sông Đà, sông Đáy và các tuyến sông chính khác. Đề xuất các giải pháp chiến lược để khắc phục các tồn tại, bất cập về quá tải về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tắc nghẽn giao thông, phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội chất lượng cao, xử lý các vấn đề môi trường; nghiên cứu phương án bố trí hệ thống bến xe đối ngoại gắn kết với đầu mối giao thông, các tổ hợp đa chức năng gắn với yêu cầu phát triển hệ thống hạ tầng logistics, bổ sung các biện pháp quản lý phương tiện giao thông thông minh; rà soát điều chỉnh bổ sung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung còn thiếu như: nhà máy nước, khu xử lý rác thải, nước thải, nhà tang lễ, nghĩa trang...

4.3. Các đề xuất mới:

(1) Thành phố kết nối toàn cầu: Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đối với Thủ đô Hà Nội... phát triển liên kết vùng để xây dựng phát triển Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng của vùng động lực phía Bắc (vùng đồng bằng sông Hồng), trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

Tập trung phát triển, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí liên quan tới đánh giá thành phố kết nối và có năng lực cạnh tranh toàn cầu về năng lực phát triển kinh tế, trình độ nghiên cứu và triển khai, phát triển văn hóa, điều kiện sống tốt, môi trường đô thị và khả năng tiếp cận và sử dụng giao thông công cộng. Ngoài ra tiếp cận các xu hướng mới về phát triển xanh, phát triển tuần hoàn, phát triển thích ứng và phát triển bền vững để xác định các giải pháp về quy hoạch không gian, phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cải thiện chất lượng môi trường đô thị.

Cải tạo các không gian, cơ sở hạ tầng hiện hữu tại khu vực nội đô để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện hợp tác quốc tế, kết nối toàn cầu như không gian cơ sở hạ tầng giao thông kết nối quốc tế (sân bay, đường cao tốc); cơ sở hạ tầng tổ chức sự kiện (hội nghị, triển lãm, diễn đàn, cơ sở lưu trú, đảm bảo an ninh, truyền thông)...

Phát triển các cơ sở hạ tầng mới tại các khu vực đô thị mở rộng, đô thị vệ tinh, đặc biệt là khu vực phía Bắc sông Hồng thuộc Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn với cơ sở hạ tầng hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế.

(2) Trung tâm động lực phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia:

Tập trung xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô. Tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá, thể thao mới, tiêu biểu của Thủ đô (hệ thống nhà hát, quảng trường, tượng đài, công viên, tổ hợp thể thao, trung tâm hội chợ triển lãm,...). Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hoá, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn; phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện.

Chú trọng quy hoạch phát triển không gian văn hóa; xây dựng các thiết chế văn hóa, các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, nhà hát, chiếu phim, công trình văn hóa kết hợp các công trình thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe, công viên vui chơi cho thiếu nhi, vườn hoa, cây xanh, quảng trường, tượng đài, phát triển các khu phố văn hóa, nhà văn hóa tổ dân phố,..., phục vụ nâng cao đời sống Nhân dân.

Khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên đầu tư, phát triển các chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng giao thông, đô thị thông minh, hạ tầng liên kết vùng.

(3) Trục sông Hồng: Sông Hồng hội tụ các yếu tố về tự nhiên, văn hóa lịch sử và tầm vóc để so sánh với các đô thị lớn của thế giới, các nền văn minh lớn của quốc tế, xứng tầm để quy hoạch phát triển trở thành biểu tượng của Thủ đô Hà Nội.

Quy hoạch phát triển hai bên sông Hồng đã được đặt ra ở nhiều thời kỳ quy hoạch trước đây, nhưng chưa đủ nguồn lực, điều kiện để khai thác, phát triển sông Hồng trở thành trục không gian phát triển của Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt là vấn đề trị thủy, chỉnh trị sông Hồng và các quan điểm khác nhau của các ngành lĩnh vực trong khai thác phát triển sông Hồng.

Thay đổi nhận thức phát triển sông Hồng trở thành không gian phát triển, thể hiện quan điểm ứng xử mới là không gian sinh thái, không gian văn hóa, không gian kinh tế, nơi thể hiện các biểu tượng phát triển của Thủ đô Hà Nội về dịch vụ, khoa học công nghệ, văn hóa, không gian kiến trúc của Hà Nội theo từng thời kỳ phát triển. Trục Sông Hồng được xây dựng trở thành trung tâm hội tụ, điểm nhấn quan trọng của vùng đô thị hóa đồng bằng sông Hồng.

(4) Mô hình thành phố trong Thủ đô: Áp dụng mô hình “Thành phố trong Thủ đô” để tạo các cơ chế chính sách đặc thù vượt trội cho khu vực phía Tây (Hòa Lạc, Xuân Mai), phía Bắc (Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và dự kiến phía Nam (Phú Xuyên, Ứng Hòa), để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các khu chức năng về khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, thương mại dịch vụ; logistics; thương mại quốc tế; tài chính... để hình thành các động lực, trung tâm phát triển mới của Thủ đô Hà Nội.

Theo từng giai đoạn phát triển, quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính đô thị, đề xuất Quốc hội, Chính phủ thành lập các đơn vị hành chính cấp đô thị như Thành phố, Quận để có bộ máy quản lý hành chính phù hợp với yêu cầu phát triển.

(5) Sân bay thứ 2 - Vùng Thủ đô Hà Nội tại phía Nam: Dự trữ không gian, hạ tầng để phát triển sân bay thứ 2 – Vùng Thủ đô Hà Nội tại phía Nam là cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô, vùng Thủ đô và Quốc gia hướng tới phát triển cao, kết nối quốc tế. Vị trí, phạm vi, quy mô cụ thể sẽ được cơ quan tư vấn chuyên hành nghiên cứu báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định. Thời gian dự kiến đầu tư xây dựng sân bay thứ 2 vào năm 2040, đưa vào khai thác sử dụng vào năm 2050.

Kết nối phát triển sân bay phía Nam với đô thị Phú Xuyên được quy hoạch theo mô hình đô thị sân bay, để hình thành trung tâm đầu mối dịch vụ vận tải tổng hợp về đường không, đường sắt (đường sắt quốc gia, đường sắt cao tốc Bắc Nam, đường sắt đô thị), đường thủy (sông Hồng), đường bộ (cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, Quốc lộ - Tây Bắc, Quốc lộ 1, trục phía Nam), trở thành đầu mối giao thông quan trọng của vùng phía Bắc, đô thị cửa ngõ phía Nam của Thủ đô Hà Nội.

Dự trữ hành lang phát triển các trục phía Nam, đường sắt đô thị nối từ trung tâm ra sân bay phía Nam và trục giao thông liên kết Đông-Tây để phát huy lợi thế của đầu mối giao thông quan trọng phía Nam.

Trong giai đoạn chưa triển khai đầu tư dự án sân bay phía Nam, cần có các biện pháp quản lý phát triển phù hợp để đảm bảo điều kiện mặt bằng cho phát triển dự án trong tương lai, đồng thời tạo điều kiện cho người dân được khai thác sử dụng tạm để sản xuất, sinh sống, đảm bảo điều kiện phát triển thuận lợi của người dân hiện trạng.

(6) Phát triển đô thị theo mô hình TOD: Phát triển giao thông công cộng hiện đại là yêu cầu bắt buộc đối với vùng đô thị lớn tập trung như Thủ đô Hà Nội. Để chuyển đổi phương thức đi lại phát triển giao thông công cộng hiệu quả, cần có

nhiều giải pháp tổng hợp, thực hiện theo lộ trình bài bản, trong đó quy hoạch phát triển đô thị theo mô hình TOD, đô thị 15 phút cho tiếp cận nội vùng là bài học kinh nghiệm tốt cần phải quan tâm áp dụng, thực hiện trong công tác quy hoạch phát triển của Thủ đô Hà Nội.

Điều chỉnh cấu trúc không gian, hạ tầng đô thị dựa trên khung hạ tầng giao thông công cộng. Căn cứ và nguồn lực có thể huy động, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn để tập trung phát triển các khu vực đô thị mở rộng, cải tạo đô thị theo mô hình TOD theo lộ trình. Áp dụng phương pháp quy hoạch đô thị theo mô hình TOD để lựa chọn giải pháp về bố trí các khu vực chức năng, điều kiện về cơ sở hạ tầng khung, định hướng về kiểm soát không gian cao tầng, không gian ngầm, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất chất tải dân số, lao động, diện tích sàn xây dựng theo từng khu vực. Các nguyên tắc tái thiết, phục dựng đô thị, xây dựng mới đô thị mang tính chất đặc thù được áp dụng tại các khu vực dự kiến phát triển TOD có tầm ảnh hưởng vùng, quốc gia sẽ tạo lập những bứt phá mới trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị, là nền tảng để xác lập chính sách thu hút đầu tư đặc thù cho Thủ đô.

(7) Cải tạo và tái thiết đô thị: Đối với khu vực nội đô, khu vực đô thị hiện trạng, làng xóm đô thị hóa được áp dụng biện pháp cải tạo và tái thiết đô thị để có các giải pháp quy hoạch phát triển phù hợp với điều kiện hiện trạng, khả năng nguồn lực và điều kiện thể chế phát triển đô thị của từng giai đoạn để có các giải pháp cải tạo, nâng cấp chất lượng đô thị, nâng cao điều kiện sống, an toàn của người dân.

Cải tạo, tái thiết khu vực nội đô, các khu vực đô thị hiện hữu. Phân loại đô thị hiện hữu thành các khu vực: giữ lại chỉnh trang; khu vực cải tạo bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu vực chuyển đổi, tái thiết đô thị như các khu tập thể cũ, các khu sản xuất chuyển đổi, khu nhà ở tự xây không đảm bảo an toàn, không phù hợp các tiêu chí đô thị văn hiến, văn minh, hiện đại, theo hình thức và lộ trình phù hợp. Áp dụng mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD) tại các khu vực có quy hoạch ga đường sắt đô thị. Áp dụng mô hình thu gom điều chỉnh đất tại các khu vực phù hợp trên nguyên tắc đảm bảo các tiêu chuẩn về cứu hỏa, cứu nạn, diện tích kích thước tối thiểu, mật độ và chiều cao xây dựng. Có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với người dân khi thực hiện các mô hình cải tạo, chỉnh trang đô thị.

(8) Hành lang xanh: Cụ thể hóa chiến lược hành lang xanh, quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn gắn với bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di tích lịch sử, giá trị đặc trưng khu vực nông thôn gắn với hành lang xanh, hài hòa cảnh quan tự nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu; quy hoạch chỉnh trang bảo tồn các làng cổ, làng nghề có giá trị, đồng thời hoàn chỉnh các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới; tập trung quy hoạch xây dựng nâng cao chất lượng các xã nông thôn nằm ngoài đô thị theo quy hoạch phòng chống lũ và đê điều; có biện pháp di dời các khu dân cư ngoài bãi sông để đảm bảo an toàn theo quy hoạch phòng chống lũ và đê điều đã được phê duyệt.

(9) Thực hiện quy hoạch theo lộ trình: Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch cụ thể, phân kỳ hợp lý, gắn với nguồn lực thực hiện; thể hiện được phạm vi về không gian - đất đai; lựa chọn những vấn đề bất cập ưu tiên giải quyết (liên kết vùng, phân bố dân cư, nhà ở, chất lượng sống, giao thông đô thị, quản lý ngập, sử

dụng tài nguyên... nhằm từng bước cải thiện thực trạng và đẩy mạnh phát triển đô thị, kinh tế - xã hội Thủ đô. Đề xuất quy định quản lý, hướng dẫn kiểm soát phát triển, làm cơ sở xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn Thành phố theo hướng linh hoạt với từng giai đoạn, cụ thể theo các vấn đề cần quản lý, từng bước xây dựng hình ảnh đặc trưng cho quy hoạch - kiến trúc đô thị Thủ đô Hà Nội.

5. Mô hình cấu trúc phát triển Thủ đô Hà Nội:

5.1. Cấu trúc không gian xây dựng theo theo cấu trúc vành đai và hướng tâm:

Phát triển tập trung theo khu vực, hành lang, hạn chế phát triển lan tỏa, tự phát giữa đô thị và nông thôn. Phát triển vành đai đô thị đồng bộ, hiện đại theo mô hình TOD xung quanh đô thị lịch sử để thu hút nhu cầu phát triển dân số, lao động. Bảo vệ, bảo tồn các giá trị quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan, di tích, di sản đô thị nông thôn hiện có, phát triển thành các giá trị của đô thị. Kết hợp hài hòa giữa cấu trúc không gian với cấu trúc giao thông, cấu trúc tự nhiên và mạng lưới trung tâm chức năng đô thị tạo mạng đô thị nông thôn đặc trưng. Kiểm soát chặt việc phát triển mở rộng các điểm dân cư nông thôn nằm trong hành lang xanh.

5.2. Phát triển mạng lưới đa trung tâm theo mô hình đa cực:

Hình thành các trung tâm chức năng cấp vùng, quốc gia và quốc tế để tạo nên động lực cho các khu vực phát triển đô thị mở rộng. Các trung tâm cấp quốc gia nằm phía Nam sông Hồng, các trung tâm chức năng quốc tế nằm phía Bắc sông Hồng. Phát triển các trung tâm khoa học công nghệ, dịch vụ quốc tế, tài chính quốc tế, đổi mới sáng tạo... để tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô và góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển lan tỏa vùng và quốc gia. Dự trữ không gian để phát triển các chức năng, trung tâm mới trong tương lai tại phía Tây và phía Bắc.

5.3. Mô hình cấu trúc phát triển Thủ đô Hà Nội:

Cấu trúc vùng đô thị lớn, khai thác 05 không gian (không gian xây dựng; không gian sinh thái; không gian văn hóa; không gian số; không gian ngầm), hình thành cấu trúc vành đai và hướng tâm gồm 01 trung tâm (Khu vực nội đô); 03 vành đai (VĐ3, VĐ4, VĐ5); 08 trục hướng tâm (QL1; QL6; Đại lộ Thăng Long; Quốc lộ 32; Quốc lộ 5; Hà Nội Bắc Ninh; Quốc lộ 3; Quốc lộ 2) và 01 trục không gian cảnh quan sông Hồng; 05 vùng đô thị nông thôn. Hệ thống đô thị gồm 1 đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh và hệ thống các thị trấn sinh thái nằm trong vùng hành lang xanh.

5.4. Mô hình phát triển đô thị: Chùm đô thị, đa cực, đa trung tâm, gồm:

- Đô thị trung tâm: (gồm Đô thị phía Nam sông Hồng; Đô thị Long Biên, Gia Lâm. Thành phố phía Bắc thuộc Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn).

- Thành phố phía Tây (gồm Đô thị vệ tinh Hòa Lạc, Xuân Mai), các Đô thị vệ tinh Sơn Tây, Phú Xuyên.

- Thị trấn sinh thái và thị trấn.

- Hệ thống đô thị: Phân cách bằng hành lang xanh, liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai, hướng tâm.

- Hệ thống nông thôn: Phát triển theo chương trình Nông thôn mới, hình thành các cụm công nghiệp văn hóa gắn với phát triển làng nghề truyền thống, phát triển kinh tế, phục vụ du lịch, phát triển nông nghiệp đặc sản, công nghệ cao, nông nghiệp đô thị gắn với chuỗi dịch vụ phục vụ đô thị và xuất khẩu.

6. Định hướng phát triển không gian:

6.1. Đô thị trung tâm:

Là trung tâm chính trị hành chính, kinh tế, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, y tế, đào tạo chất lượng cao của Thành phố Hà Nội và cả nước.

6.1.1. Khu vực đô thị phía Nam sông Hồng: Định hướng bảo tồn - tôn tạo, cải tạo – tái thiết, phát triển mới.

(1) Khu vực nội đô lịch sử:

+ Bảo tồn, tôn tạo, cải tạo, tái thiết, bổ sung HTXH, phát triển mới, đề xuất phát triển một số khu vực theo mô hình TOD tập trung nâng tầm và đẩy mạnh hiệu quả hình thái phát triển khu vực trung tâm hành chính, tài chính, thương mại (CBD) vốn sẵn có.

+ Đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng và phương tiện phi cơ giới, hình thành khu vực hạn chế tốc độ, vùng hạn chế tối đa phương tiện cá nhân. Hình thành các tiểu vùng dịch vụ văn hóa - du lịch - thương mại đậm sắc đặc thù Thủ đô như trung tâm phục hưng phố cổ: phục dựng không gian kiến trúc 36 phố phường, hình thành khu phố đi bộ, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân (zone 20), khai thác chính thống giá trị vỉa hè đường phố để phát triển dịch vụ ẩm thực, thương mại đặc thù truyền thống, trải nghiệm văn hóa phố cổ, dịch vụ đêm.

+ Phục dựng, nâng tầm kiến trúc đặc thù “phố Pháp” gắn liền với các hoạt động kinh tế cốt lõi, trung tâm tài chính, thương mại quốc gia. Bảo tồn và phục dựng các giá trị của các công trình kiến trúc và các trục không gian đô thị có giá trị như trục văn hóa biểu diễn Tràng Tiền- Nhà hát Lớn, Trục tài chính- ngân hàng Ngô Quyền, Trục thương mại- dịch vụ trung tâm Ga Hà Nội... nhằm xây dựng trung tâm kinh tế - tài chính – thương mại sầm uất nhất Thủ đô, khai thác giá trị di sản kết hợp với tiềm năng kinh tế năng động sẵn có. Ưu tiên phát triển ngầm tại khu vực này như tuyến phố trung tâm thương mại ngầm dẫn từ nhà ga Hà Nội trung tâm dọc phố Trần Hưng Đạo, kết nối với trục không gian sông Hồng.

+ Xây dựng vùng cộng hưởng TOD trên cơ sở phát triển, phục dựng nhà ga trung tâm Hà Nội – trục cảnh quan thương mại cao cấp trên dọc không gian phố Trần Hưng Đạo nổi ra quảng trường trước cầu/hầm Trần Hưng Đạo, kết nối với không gian cảnh quan ngoài sông Hồng. Đây sẽ là trung không gian phục dựng lớn nhất khu vực nội đô lịch sử được vận dụng tối đa mô hình TOD, bổ sung nhà ga “check-in” tại khu vực nhà ga Hà Nội để thu hút và lưu giữ khách du lịch, tối ưu hóa giá trị quảng bá hình ảnh và tạo dựng thêm những không gian công cộng có giá trị cho khu vực nội đô. Khai thác tối đa quỹ đất của các trường đại học, bệnh viện, các khu tập thể, gắn kết mô hình TOD để xây dựng các tổ hợp mới có vai trò là động lực cho các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) cho giáo dục và y tế, tạo quỹ đất và không gian nâng cấp chất lượng sống của người dân đô thị.

+ Cải tạo xây dựng lại hệ thống nhà chung cư cũ, khu tập thể theo mô hình TOD, giới hạn tầm cao công trình để không ảnh hưởng đến không gian vùng bảo tồn, cho phép xây dựng tối đa không gian ngầm, áp dụng mô hình huy động nguồn lực xã hội.

+ Hình thành các trung tâm nghiên cứu, đào tạo có quy mô dựa trên các quỹ đất phát triển các trường đại học (gồm mô hình trung tâm đầu não tại nội đô và phân tán các trường đại học ra các đô thị đối trọng, đô thị vệ tinh), tận dụng phát huy nguồn nhân lực có trình độ cao, từng bước đầu tư xây dựng các trường đại

học nằm trong danh sách những trường được đánh giá cao của khu vực Châu Á và thế giới.

+ Nghiên cứu có phương án từng bước tái cấu trúc đô thị, các khu vực dân cư cũ thấp tầng, cao tầng nhằm cải thiện môi trường, phát huy hiệu quả sử dụng đất đô thị, tăng các tiện ích công cộng, giao thông, hạ tầng, công viên, văn hóa, khu vui chơi, TDTT,...

(2) Khu vực nội đô lịch sử mở rộng:

+ Rà soát, phân bổ lại quy mô dân cư trên địa bàn theo hướng tăng dân số, phù hợp với định hướng “giảm áp lực” cho hạ tầng cơ sở đô thị nội đô lịch sử.

+ Hình thành một số trung tâm hành chính của các Bộ, ngành tập trung tại Tây Hồ Tây và Mễ Trì.

+ Định hướng đề xuất nghiên cứu không gian đô thị tại khu vực xung quanh khu vực ga đường sắt đô thị với phạm vi bán kính nghiên cứu khoảng 500m - 1000m theo mô hình TOD tạo dựng các trục đô thị nên có hiệu quả sử dụng đất đô thị tối ưu, cân đối dân số phù hợp với lợi thế của mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn dày đặc tại khu vực này. Hình thành hệ thống các trung tâm dịch vụ đô thị chất lượng cao và tăng cường không gian mở, cây xanh và mặt nước. Khai thác quỹ đất dọc sông Nhuệ, sông Tô Lịch để hình thành hệ thống công viên cây xanh mặt nước hoàn chỉnh kết nối với hệ thống cây xanh sinh thái sông Hồng.

+ Kiểm soát phát triển không gian cao tầng với nguyên tắc việc đầu tư xây dựng phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện về giao thông và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Tạo công trình điểm nhấn tại các cửa ngõ, trục hướng tâm;

+ Tái thiết các khu chung cư cũ trên nguyên tắc hướng cao tầng, giảm mật độ xây dựng và đáp ứng về HTXH, HTKT;

+ Bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc đô thị có giá trị.

+ Rà soát, điều chỉnh các khu chức năng không phù hợp với thực tiễn, khó khả thi khi triển khai.

+ Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật gắn với tốc độ phát triển. Ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng.

(3) Khu vực đô thị phía Đông VĐ4: Khu vực nghiên cứu quy hoạch phát triển mới, đề xuất một số khu vực đô thị nén, mô hình TOD tối ưu hóa tầng cao, thiết lập các khu ở hiện đại mật độ cao, tăng quy mô diện tích không gian xanh và các không gian công cộng tại các khu vực đầu mối giao thông công cộng. Cân đối hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đối với các khu vực ngoài TOD để đảm bảo phát triển một chuỗi các đô thị hiện đại đồng bộ, tiếp cận nội đô thông qua đường sắt đô thị trong vòng 15 phút, có sức thu hút lớn để từng bước dẫn mật độ tập trung dân cư từ nội đô lịch sử.

+ Rà soát, phân bổ lại quy mô dân cư một số khu vực trên địa bàn, bổ sung quy mô dân số phù hợp với mô hình TOD, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, phù hợp với định hướng dịch chuyển dân cư từ đô thị trung tâm tới các khu ở mới, “giảm áp lực” cho hạ tầng cơ sở đô thị nội đô lịch sử. Các khu vực Định hướng hình thành Quận, phân bổ dân số đảm bảo mật độ $>12.000/\text{km}^2$, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất.

+ Định hướng không gian đô thị theo hướng đô thị nén, cao tầng với bán kính khoảng 500 ÷ 1000m (1000 ÷ 2000m đối với các khu vực xa trung tâm thành phố) xung quanh khu vực ga đường sắt đô thị.

+ Nghiên cứu hình thành các vùng đệm bảo vệ xung quanh các làng xóm hiện hữu, kiểm soát sự phát triển đô thị hóa và gia tăng mật độ tại các làng xóm hiện hữu.

+ Khai thác cảnh quan mặt nước tự nhiên sông Nhuệ, sông Đáy để hình thành hệ thống công viên cây xanh mặt nước hoàn chỉnh kết nối với hệ thống vành đai xanh, hành lang xanh thành phố.

+ Nghiên cứu hình thành một số trung tâm công cộng, dịch vụ và thương mại lớn tầm cỡ quốc gia, quốc tế tại khu vực cửa ngõ.

+ Khu vực nghiên cứu quy hoạch phát triển mới, đề xuất một số khu vực đô thị nén, mô hình TOD, cao tầng, mật độ xây dựng thấp, tăng quy mô diện tích không gian xanh, tăng cường tiện ích đô thị theo hướng đa cực đa trung tâm. Mỗi phân khu đô thị có những chức năng đô thị đặc thù nhằm tạo ra các trung tâm phụ giảm tải cho đô thị trung tâm.

+ Hình thành các trung tâm nghiên cứu, đào tạo có quy mô dựa trên các quỹ đất phát triển các trường đại học (gồm mô hình trung tâm đầu não tại nội đô và phân tán các trường đại học ra các đô thị đối trọng, đô thị vệ tinh), tận dụng phát huy nguồn nhân lực có trình độ cao, từng bước đầu tư xây dựng các trường đại học nằm trong danh sách những trường được đánh giá cao của khu vực Châu Á và thế giới.

+ Khai thác tối đa nguồn lực và sức mạnh trí tuệ của hệ thống Y tế trong nội đô, hình thành các trung tâm nghiên cứu phát triển Y học công nghệ cao tầm cỡ khu vực như cụm bệnh viện Bạch Mai- Đại Học Y Hà Nội- Bệnh viện Việt Pháp – bệnh viện Xanh pôn trở thành một trung tâm đầu não nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong y học.

+ Phát triển hệ sinh thái, cảnh quan trong các khu vực nêm xanh nông thôn, Vành đai xanh các con sông. Tôn tạo, phát huy giá trị sông, hồ, hình thành các trục không gian xanh, bảo vệ môi trường, cảnh quan, cân bằng môi trường đô thị khu vực nội đô.

+ Nghiên cứu có phương án từng bước tái cấu trúc đô thị, các khu vực dân cư cũ thấp tầng, cao tầng nhằm cải thiện môi trường, phát huy hiệu quả sử dụng đất đô thị, tăng các tiện ích công cộng, giao thông, hạ tầng, công viên, văn hóa, khu vui chơi, TDTT,...

(4) Đô thị phía Tây VĐ4: Khu vực nghiên cứu phát triển mới, đô thị nén ở các đầu mối giao thông Quốc gia - Vùng, bố trí nhiều không gian công cộng. Ưu tiên phát triển công cộng cấp vùng và nhà ở xã hội.

- Phát triển mới, nén ở các đầu mối giao thông Quốc gia - Vùng - Đô thị, Phát triển công cộng cấp vùng, đô thị theo hướng hiện đại, bền vững...

- Định hướng không gian đô thị theo mô hình TOD, nén tại khu vực Ga đường sắt đô thị. Hình thành các tổ hợp đô thị xanh, sinh thái, thông minh, tạo môi trường sống lý tưởng, tiện lợi trong giao thông kết nối liên vùng, dịch vụ đô thị hoàn thiện. Từng bước cân bằng mật độ dân cư với khu vực lõi nội đô. Khai thác tối đa vị trí cửa ngõ đô thị, kết nối liên vùng và liên đô thị, nghiên cứu hình

thành các lõi trung tâm TOD, không gian ngầm lớn, hiện đại dọc vành đai 4, tạo dựng các trung tâm dịch vụ, thương mại, giải trí quy mô đô thị vừa đáp ứng nhu cầu của người dân trong đô thị trung tâm, vừa thu hút và cung ứng nhu cầu của khu vực dân cư ngoại thành.

- Hình thành không gian xanh, không gian mở, đa năng, gắn kết với sông Đáy và hành lang xanh phía Tây của Thành phố.

- Nghiên cứu hình thành các vùng đệm bảo vệ xung quanh các làng xóm hiện hữu, kiểm soát sự phát triển đô thị hóa và gia tăng mật độ tại các làng xóm hiện hữu.

- Quy hoạch một số khu vực phát triển mới, đô thị nén ở một số đầu mối giao thông Quốc gia - Vùng, tăng quy mô không gian, chức năng công cộng. Ưu tiên phát triển chức năng công cộng cấp vùng và nhà ở xã hội. Khai thác tối đa vị trí cửa ngõ đô thị, kết nối liên vùng và liên đô thị, nghiên cứu hình thành các lõi trung tâm TOD, không gian ngầm lớn, hiện đại dọc vành đai 4, tạo dựng các trung tâm dịch vụ, thương mại, giải trí quy mô đô thị vừa đáp ứng nhu cầu của người dân trong đô thị trung tâm, vừa thu hút và cung ứng nhu cầu của khu vực dân cư ngoại thành.

6.1.2. Khu vực đô thị Long Biên, Gia Lâm:

Nghiên cứu mô hình phát triển gắn kết với các đô thị tỉnh, thành phố lân cận. Cửa ngõ logistic phía Đông kết nối hướng các tỉnh, thành phố ven biển; nghiên cứu quy hoạch phát triển mới, đề xuất một số khu vực đô thị nén, mô hình TOD, liên kết không gian ngầm, công trình cao tầng, mật độ xây dựng thấp, tăng quy mô diện tích không gian xanh, tăng cường tiện ích đô thị.

- * Một số đề xuất trong định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô:

- + Rà soát, phân bổ lại quy mô dân cư trên địa bàn để bổ sung phù hợp nhu cầu và quy mô phát triển, phù hợp với định hướng phát triển khu vực Bắc sông Hồng thành quận hoặc Thành phố trực thuộc Thành phố.

- + Mở rộng không gian phát triển đô thị khu vực phía Đông huyện Gia Lâm, khai thác hiệu quả quỹ đất, hình thành khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

- + Định hướng không gian đô thị theo hướng đô thị nén, cao tầng với bán kính khoảng 500 ÷ 1000m xung quanh khu vực ga đường sắt đô thị.

- + Phát triển không gian công cộng, thương mại dịch vụ, tổ hợp văn phòng, giao dịch cao tầng, trên các trục đường vành đai, hướng tâm, đường chính đô thị.

- + Phát triển gắn với các đô thị tỉnh, thành kề cận. Cửa ngõ logistic phía Đông kết nối hướng biển, hình thành thêm hệ thống cảng cạn ICD tại các ga chính đường sắt. Cải tạo - tái thiết, phát triển mới, nén theo mô hình TOD, cao tầng, mật độ xây dựng thấp, bổ sung thêm nhiều không gian xanh và tiện ích đô thị, gắn kết chặt chẽ với không gian mở sông Hồng, sông Đuống. Nghiên cứu phát triển gắn kết với một số mô hình nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong nông nghiệp tầm quốc gia và khu vực, tận dụng lợi thế một số quỹ đất sẵn có tại khu vực.

6.1.3. Thành phố phía Bắc (khu vực Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn):

Nghiên cứu định hướng với chức năng đô thị dịch vụ, hội nhập quốc tế gắn với Cảng hàng không của ngõ quốc tế Nội Bài, hành lang kinh tế Quốc gia gắn với trục động lực phát triển Nhật Tân - Nội Bài; Tính chất, chức năng chính là đô

thị thông minh, một số khu vực được phép phát triển cao tầng, hiện đại, xanh, kết hợp bảo tồn phát huy giá trị khu di tích Cổ Loa, sông Thiệp,...

- Tổng diện tích khoảng 633 km² (bao gồm toàn bộ địa giới hành chính các huyện Đông Anh, Sóc Sơn và Mê Linh):

+ Đất xây dựng đô thị: khoảng 385km².

+ Khu vực ngoại thị: khoảng 248 km².

- Tính chất: Thành phố dịch vụ, hội nhập quốc tế, kết nối toàn cầu.

- Đơn vị hành chính: 45 phường + 24 xã.

- Định hướng chính:

Xây dựng thành phố mới, đô thị hiện đại, đô thị thông minh, năng động, khai thác phát huy tối đa tiềm năng của sân bay Nội Bài, vị trí giao thoa giữa trục kinh tế Đông-Tây và Bắc Nam của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, là thành phố xanh- sạch- thông minh, làm đối trọng và bổ trợ cho đô thị trung tâm kết nối thông qua không gian trực cảnh quan sông Hồng.

Với ý tưởng xây dựng động lực cho một thành phố vì hòa bình, kết nối toàn cầu, thành phố mới Bắc sông Hồng sẽ có những chức năng chính sau:

+ Trung tâm đối thoại, hợp tác quốc tế tầm cỡ khu vực châu Á Thái Bình Dương: hình thành các trung tâm cầu nối đa quốc gia, trung tâm đối thoại quốc tế, phát triển mô hình kinh tế MICE (du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện) tận dụng tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên rừng Sóc Sơn.

+ Trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học 4,0, đặc biệt nhấn mạnh đầu tư cho các ngành công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật cao, thông minh, ứng dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh cho một thiết chế xã hội bền vững, sử dụng năng lượng sạch, tối đa hóa tái chế và một thành phố không rác thải, rác thải là tài nguyên.

+ Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghiệp văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, trung tâm thu hút tài năng trẻ, khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa nhằm có thể xuất khẩu văn hóa đến năm 2045.

+ Phát triển du lịch kết hợp phát huy, bảo tồn các không gian cảnh quan, kiến trúc lịch sử, văn hóa truyền thống trên cơ sở quần thể Cổ Loa thành, đền Sóc chuỗi du lịch liên tỉnh trên hành lang sông Hồng.

+ Nghiên cứu phát triển trung tâm logistics có quy mô lớn tại miền Bắc, trung tâm đầu mối giao thương quốc tế, phát triển cảng cạn ICD, thúc đẩy hạ tầng xuất nhập khẩu, trung tâm thương mại miễn thuế, outlet lớn tại khu vực.

+ Nghiên cứu phát triển các trung tâm giải trí và thương mại giải trí, kinh doanh (bóng đá quốc tế, cược thể thao, casino, trường đua,...), khu vực Sóc Sơn, kết hợp phát triển các loại hình dịch vụ đa dạng, kinh tế đêm, cùng hệ thống sân golf, hình thành một khu vực chuỗi tổ hợp vui chơi giải trí, văn hóa, TDTT,... tầm cỡ quốc tế, cùng với các cơ chế quản lý vận hành phù hợp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển.

+ Bảo tồn triệt để hệ sinh quyền rừng và hệ thực-dộng vật Sóc Sơn, xây dựng thiết chế quản lý và kinh doanh tín chỉ Carbon rừng và giảm thiểu hiệu ứng nhà kính trong đô thị bằng việc vận hành nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

+ Dự kiến hình thành Trung tâm hành chính mới khu vực Thành phố phía Bắc.

+ Khai thác lợi thế Sân bay quốc tế Nội Bài, tạo dựng hình ảnh đô thị mới hiện đại phía Bắc sông Hồng gắn với dịch vụ cấp vùng Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và các KCN thành một khu vực phát triển thương mại, Logistics và trung chuyển hàng hóa quốc tế.

+ Hình thành đô thị mới cao tầng, hiện đại theo mô hình TOD, đô thị thông minh dọc hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp (Nhật Tân- Nội Bài).

+ Hình thành các tổ hợp công trình công cộng, dịch vụ, khách sạn, thương mại, tài chính, ngân hàng lớn.

+ Triển khai xây dựng hoàn thiện Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc gia.

+ Nghiên cứu mô hình xây dựng các Trung tâm dịch vụ văn hóa, khai thác lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

+ Phát triển các không gian xanh cảnh quan, công viên vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh... trên cơ sở địa hình tự nhiên vùng núi Sóc Sơn và hệ thống các sông hồ, các công trình kiến trúc có giá trị văn hoá lịch sử (Đền Sóc, thành Cổ Loa, đầm Vân Trì, sông Thiếp) và các công trình xây dựng mới tiêu biểu kết nối với trục không gian Hồ Tây - Cổ Loa.

+ Hình thành khu công nghiệp kỹ thuật cao, nghiên cứu & phát triển gắn với hành lang xuyên Á phía Đông Bắc huyện Đông Anh.

+ Cải tạo các khu vực dân cư hiện hữu gắn với bảo tồn các công trình di tích, văn hóa lịch sử.

6.2. Thành phố phía Tây và các đô thị vệ tinh:

6.2.1. Thành phố phía Tây:

Phạm vi nghiên cứu bao gồm đô thị Hòa Lạc và đô thị Xuân Mai, nghiên cứu phát triển mở rộng ra đến sông Tích, sông Bùi, là Thành phố khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo. Hiện đại - sinh thái, cao - thấp tầng.

- Quy mô: khoảng 251 km², Dân số đến năm 2045: khoảng 1,2 triệu người.

+ Đất xây dựng đô thị: khoảng 135 km², dân số khoảng 1,08 triệu người.

+ Khu vực ngoại thị: khoảng 116 km², dân số khoảng 0,12 triệu người.

- Tính chất: Thành phố khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo.

- Đơn vị hành chính: 16 phường + 8 xã.

- Định hướng chính:

+ Đô thị khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo. Hiện đại - sinh thái, cao - thấp tầng: xây dựng mô hình đô thị kép song hành cùng hỗ trợ nhau. Khoảng cách đi lại giữa 02 trung tâm thành phố đảm bảo trong vòng 15 phút bằng các phương tiện công cộng.

+ Đô thị Hòa Lạc: Trung tâm đầu não về khoa học kỹ thuật công nghệ cao, trung tâm đào tạo, giáo dục chất lượng cao. Là thành phố của những trung tâm nghiên cứu, có các trường đại học, có khu công nghệ cao, trung tâm thí nghiệm, nhấn mạnh công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đi cùng các chính sách hỗ trợ ưu tiên thu hút nhân lực chất lượng cao và doanh nghiệp đến đây làm việc và sinh sống.

+ Đô thị Xuân Mai: Trung tâm giáo dục, nghiên cứu và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục như trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm hỗ trợ nghiên cứu, phòng thí

nghiệm/ phòng nghiên cứu cộng đồng, trung tâm mô phỏng 3D, trung tâm dịch vụ thử nghiệm sản phẩm nghiên cứu... một phần thành phố dự kiến phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh hóa phẩm phục vụ cho Hà Nội, khu vực Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng trung du và miền núi phía Bắc.

+ Hình thành đô thị “thông minh”, là thành phố khoa học, nơi tập trung trí tuệ và công nghệ tiên tiến, tiếp thu trình độ khoa học và công nghệ quốc tế, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Hình thành đô thị du lịch nghỉ dưỡng, trung tâm vùng phía Tây Hà Nội được xây dựng dựa trên cấu trúc địa hình tự nhiên, gắn kết với hệ thống Ba Vì-Đông Mô và sông Tích, hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia như QL21, đường Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng đô thị theo mô hình đô thị hiện đại, chất lượng cao, phát triển nhà cao tầng tại khu vực trung tâm và các khu vực đầu mối giao thông. Xây dựng các đô thị sinh thái, khu ở mới đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, phát triển gắn kết với địa hình đồi núi và hệ thống hồ nước hiện có của khu vực.

+ Hình thành các cụm không gian chức năng: Trường Đại học; khu công nghệ cao; Khu trung tâm y tế tập trung; Khu đô thị sinh thái.

+ Phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, chợ đầu mối nối kết Hà Nội với các tỉnh phía Tây Bắc đất nước.

+ Phát triển các dự án vui chơi giải trí, du lịch sinh thái phục vụ nhân dân thủ đô và vùng phụ cận.

+ Khoanh vùng bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng như: núi Thoong, sông Tích, sông Bùi, hồ Đồng Suong, hồ Văn Sơn,..., kết hợp phát triển dịch vụ du lịch sinh thái.

6.2.2. Đô thị vệ tinh Sơn Tây:

Đô thị vệ tinh Sơn Tây được phát triển mở rộng từ thị xã Sơn Tây về phía Tây kết nối với vùng cảnh quan Ba Vì, hồ Suối Hai trở thành trung tâm hỗ trợ dịch vụ du lịch của vùng phía Tây Bắc Thủ đô. Tại đô thị Sơn Tây với nền tảng lịch sử phát triển đô thị lâu dài, với những làng cổ Đường Lâm, thành cổ Sơn Tây, đền Và...kết hợp với các giá trị văn hóa phi vật thể, giá trị truyền thống khơi dậy niềm tự hào dân tộc của một vùng đất có 2 vua, vùng cảnh quan sinh thái hấp dẫn tại khu vực sẽ là động lực phát triển các chức năng hỗ trợ du lịch sinh thái, hành trình văn hóa di sản, đào tạo, y tế cùng các cơ sở an ninh, quốc phòng hiện có sẽ xây dựng Sơn Tây trở thành đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của Thủ đô.

- Định hướng chính:

Khai thác tối đa giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nền công nghiệp không khói là các sản phẩm du lịch đặc thù, nhấn mạnh yếu tố kiến trúc, yếu tố lịch sử, khơi gợi niềm tự hào dân tộc thông qua các sản phẩm du lịch, phục dựng các làng cổ, các khu vực phố cổ, hình thành phố đi bộ, trung tâm triển lãm phi vật thể, triển lãm văn hóa truyền thống, chợ đêm, văn hóa ẩm thực, kiến tạo nền kinh tế bằng nguồn lực du lịch làm cốt lõi, là một trung tâm du lịch không thể không đến cho hàng triệu khách du lịch đến Việt Nam hàng năm.

Phát triển đô thị văn hóa đặc trưng cửa ngõ phía Tây Bắc của Hà Nội trên cơ sở bảo tồn di sản văn hóa truyền thống (Thành cổ Sơn Tây, làng cổ Đường Lâm và các di tích lịch sử văn hóa khác), bảo tồn và phát triển tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch.

Tăng cường đa dạng môi trường tự nhiên và tính chất sinh học của vùng phát triển trung tâm kỹ thuật sinh học hỗ trợ cho du lịch, phát triển nông nghiệp sinh thái trên cơ sở khai thác lợi thế ưu đãi về cảnh quan đa dạng vùng sông Hồng, sông Tích, Ba Vì – Suối Hai.

Xây dựng đô thị có bản sắc văn hóa đặc trưng – văn hóa xứ Đoài: Thành cổ Sơn Tây, làng cổ Đường Lâm, hồ Xuân Khanh và hồ Kỳ Sơn là những không gian trọng tâm chính để tổ chức không gian đô thị.

Phát triển mở rộng đô thị về phía Tây, hướng về khu vực hồ Xuân Khanh & hồ Đường. Hạn chế phát triển về hướng Nam & hướng Đông.

Xây dựng đô thị hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên, có hệ thống giao thông đô thị kết nối hài hòa giữa khu phát triển mới và làng xóm cũ, đặc biệt là khu vực Thành cổ Sơn Tây, làng cổ Đường Lâm.

6.2.3. Đô thị vệ tinh Phú Xuyên:

Là cửa ngõ phía Nam Hà Nội, tập trung nhiều đầu mối giao thông quốc gia như: Quốc lộ 1A, cao tốc Bắc Nam, đường sắt Bắc Nam; cao tốc Tây Bắc - quốc lộ 5 và cảng sông Vạn Diêm. Các khu công nghiệp Phú Xuyên là nơi thuận lợi để di dời công nghiệp từ các khu vực nội đô, khu vực Hà Tây (cũ) tới và phù hợp phát triển dịch vụ trung chuyển hàng hóa. Các khu công nghiệp này liên kết với các khu công nghiệp Đồng Văn (Hà Nam) sẽ tạo điều kiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp cho vùng đồng bằng phía Nam sông Hồng

- Định hướng chính:

+ Là một trong những đô thị tiềm năng hàng đầu trong các đô thị vệ tinh bởi sự liên kết chặt chẽ với sân bay Nam Hà Nội, đường sắt tốc độ cao, hệ thống du thuyền, hệ thống vận tải đường thủy sông Hồng. Tại đây phù hợp để hình thành một đô thị cửa ngõ phía Nam, là trung tâm dịch vụ và khai thác logistics phía Nam, trung tâm đón nhận các sản phẩm nông sản của khu vực phía Nam phục vụ cho cung ứng và xuất khẩu. Với sự hình thành thành công của mô hình OCOP Việt Nam gần đây cùng với những vấn đề đặt ra, tại Phú Xuyên phù hợp để hình thành một trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và triển lãm OCOP lớn nhất khu vực với những lợi thế sẵn có. Đồng thời, một trung tâm phát triển công nghiệp phục vụ nhu cầu chuyển đổi phương tiện sang phi cơ giới như lắp ráp toa xe phục vụ hệ thống đường sắt đô thị, điện khí hóa phương tiện, sản xuất xe đạp công cộng...

+ Phát triển đô thị Phú Xuyên trở thành đô thị công nghiệp, đầu mối giao thông, trung chuyển hàng hóa; đô thị vệ tinh cửa ngõ phía Nam của Thủ đô, đầu mối của các hành lang giao thông quốc gia.

+ Xây dựng với các khu vực công nghiệp, trung chuyển phân phối nông sản vùng và đầu mối giao thông vùng, Hình thành các trung tâm tiếp vận hàng hóa và Logistics tại các khu vực đầu mối giao thông.

+ Xây dựng hình ảnh đô thị mặt nước. Phát triển đô thị với đặc trưng nhiều hồ nước, kênh mương để phù hợp với đặc điểm vùng thấp và ứng phó với vấn đề lũ lụt dọc theo các sông chảy qua khu vực.

+ Phát triển đô thị với đặc trưng nhiều hồ nước, kênh mương để phù hợp với đặc điểm vùng thấp và ứng phó với vấn đề lũ lụt dọc theo các sông chảy qua khu vực.

+ Khu công nghiệp sạch, chế biến nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp đa ngành với quy mô hợp lý, hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp năng

suất cao, thu hút các cơ sở công nghiệp từ nội thành tới. Ưu tiên phát triển các khu nhà ở phục vụ công nhân khu công nghiệp.

+ Hình thành các khu chức năng đô thị tương đối độc lập, hạn chế nhu cầu lưu thông cắt ngang các tuyến giao thông. Khu vực phía Tây tuyến đường cao tốc Bắc Nam dự kiến phát triển các khu dân cư, trung tâm thương mại, giáo dục, y tế.

+ Các chức năng đô thị công nghiệp, dịch vụ theo mô hình sinh thái liên kết hữu cơ giữa hệ thống không gian công cộng gắn với mặt nước, cây xanh sông Nhuệ và sông Hồng. Các không gian công cộng và các khu dân cư đều được tiếp cận với hệ thống giao thông hiện đại.

+ Xây dựng mới Khu CN Thường Tín- Phú Xuyên với các ngành chế biến nông sản- thực phẩm, công nghiệp nhẹ, chế biến xuất khẩu, hệ thống cảng, kho tàng bến bãi dịch vụ tiếp vận trung chuyển hàng hóa (Logistic).

6.3. Thị trấn sinh thái và các thị trấn:

Kế thừa định hướng QHC2011. Phát triển đúng quy mô của một trung tâm đầu não hành chính cấp huyện, đảm bảo tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về phân loại đô thị, là hạt nhân quản lý và nâng tầm giá trị nông nghiệp của địa phương, trở thành mắt xích của mạng lưới đô thị Thủ đô, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, hỗ trợ tiện ích cho khu vực ngoại đô.

- Các thị trấn sinh thái là mô hình đô thị sinh thái với mục tiêu phát triển cân bằng giữa khu làng hiện hữu và các khu phát triển mới. Đảm bảo lợi ích công bằng đối với các khu làng hiện hữu và giảm đến mức tối thiểu sự di dân.

- Đô thị này sẽ đem lại những lợi ích xã hội cho người dân sống trong các khu làng hiện hữu đồng thời sẽ giải quyết những khiếu nại và mâu thuẫn thông qua bảo tồn làng hiện hữu, chuyển sang các mô hình kinh doanh giá trị cao hơn thông qua nông nghiệp công nghệ cao, chuẩn bị đất dịch vụ để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

- Về mặt môi trường, các thị trấn sinh thái làm hài hòa giữa dân số hiện trạng và dân nhập cư, cải thiện chất lượng cuộc sống nhờ phát triển khu sinh thái và cơ sở hạ tầng mới.

- Các Thị trấn sinh thái sẽ cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các làng nghề và làng nông nghiệp trong Hành lang xanh và sẽ là trung tâm phát triển kinh tế xã hội bền vững. Chức năng của Các Thị trấn sinh thái bao gồm thị trấn bền vững, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao sẽ được phân bố theo đặc điểm tiềm năng của địa phương sinh thái và tự cung tự cấp.

6.4. Khu vực vành đai xanh, hành lang xanh, nêm xanh:

Tiếp tục duy trì vành đai xanh, hành lang xanh, nêm xanh lồng ghép với khu vực đô thị nhằm mục đích cân bằng sinh quyển, cân bằng vi khí hậu và cân bằng chất lượng không khí, tăng cường khả năng tự làm sạch của đô thị. Nội dung chính cần duy trì và phát triển :

+ Bảo đảm sự liên tục, tạo vành đai phát triển đa dạng sinh học, tiến tới xây dựng thành phố hài hòa bình đẳng với môi trường thiên nhiên và hệ sinh thái đa dạng ngay cả trong đô thị vào năm 2045.

+ Tối ưu hóa vành đai xanh nông nghiệp theo hướng organic, bảo vệ môi trường, hiện đại hóa sản xuất.

+ Bảo vệ tuyệt đối diện tích rừng hiện có, khuyến khích phát triển thêm rừng nhân tạo, xây dựng cơ chế phát triển kinh tế xanh, kinh doanh tín chỉ Cacbon, kết hợp với du lịch để tạo giá trị kinh tế hợp lý.

6.5. Các trục không gian chính:

- Trục không gian Sông Hồng phát triển là không gian xanh trung tâm của đô thị trung tâm, không gian văn hóa sáng tạo, trục phát triển kinh tế xã hội và là không gian điểm nhấn biểu tượng của Thủ đô Hà Nội, phát triển đô thị, công viên sinh thái hai bên sông, trị thủy, khai thác giá trị cảnh quan, cảng sông, du lịch hai bên sông.

- Trục Hồ Tây - Ba Vì: kết hợp đồng bộ không gian Đại lộ Thăng Long, Quốc lộ 6; xây dựng trục kết nối văn hóa Thăng Long - Xứ Đoài, kết nối trung tâm Thủ đô với thành phố phía Tây và kết nối các tỉnh lân cận. Tại nghiên cứu lần này được vì chỉnh hướng tuyến giao thông Trục Hồ Tây - Ba Vì phù hợp với điều kiện thực tế, không gian cảnh quan và tính khả thi triển khai đầu tư xây dựng.

- Trục không gian Hồ Tây - Cổ Loa: Là trục kết nối di sản đô thị lịch sử. Bố trí các công trình văn hóa, công trình biểu tượng dọc trục, kết hợp với các làng truyền thống, cảnh quan mặt nước và khu di tích Thành Cổ Loa trở thành không gian văn hóa lịch sử và văn hóa sáng tạo của tương lai.

- Trục Nhật Tân - Nội Bài: là trục phát triển kinh tế, đô thị thông minh, hiện đại (kết hợp đồng bộ với không gian trục Bắc Thăng Long – Nội Bài), kết nối với các tỉnh phía Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc, hành lang kinh tế Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng - Quảng Ninh, đường xuyên Á, gần với Cảng hàng không cửa ngõ quốc tế Nội Bài và Thành phố phía Bắc.

- Phát triển mới trục không gian phía Nam gắn với trục văn hóa Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính: Kết nối di sản Thăng Long - Hoa Lư, gần với vùng di tích Hương Sơn - Tam Chúc, sân bay thứ 2 Vùng Thủ đô và đô thị vệ tinh Phú Xuyên, đồng bộ với trục quốc lộ 1A, 1B, đường Hồ Chí Minh, kết nối cao tốc Tây Bắc và các tỉnh phía Nam, tạo dư địa và động lực phát triển mới.

6.6. Định hướng quy hoạch Cảng hàng không thứ 2 của Thủ đô:

Bố trí không gian phát triển Cảng hàng không thứ 2 vùng thủ đô tại khu vực phía Nam của trục cao tốc Tây Bắc-Quốc lộ 5B, giữa cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, Quốc lộ 1A, đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam, đường sắt thống nhất Bắc-Nam và trục giao thông kinh tế phía Nam, thuộc địa bàn một số xã thuộc huyện Ứng Hòa. Quy mô khoảng 50 triệu hk/năm.

7. Định hướng phân bổ đất đai và dân số:

a. Dự báo phát triển dân số:

- Đến năm 2030: 12,0 triệu người, bao gồm: Dân số chính thức 10,5 triệu người; Dân số quy đổi 1,5 triệu người;

- Đến năm 2045: 14,6 triệu người, bao gồm: Dân số chính thức 12,5 triệu người; Dân số quy đổi 2,1 triệu người;

- Đến năm 2050: 15,5 triệu người, bao gồm: Dân số chính thức 13,0 triệu người; dân số quy đổi 2,5 triệu người

b. Phân bố dân số và mật độ cư trú:

Trên cơ sở dự báo dân số đến năm 2045 và Định hướng phát triển không gian toàn đô thị; căn cứ các quy định về chỉ tiêu dân số, đất đai đô thị, định hướng tổ chức không gian và đặc thù phát triển đô thị, hiện trạng phân bố dân cư của từng khu vực, đề xuất định hướng phân bố dân số như sau:

TT	Khu vực	Diện tích (km^2)	Dự báo dân số đến năm 2045 (triệu người)	Mật độ cư trú (ng/ km^2)
	Diện tích toàn đô thị	3.359,84	14,60	4.000-4.500
A	Khu vực đô thị	1.343,94	11,38-12,56	8.500- 9.500
I	<i>Đô thị trung tâm</i>	<i>1.074,62</i>	<i>9,5-10,3</i>	<i>9.000-10.000</i>
1	Thành phố phía Bắc (khu vực đô thị)	385,50	2,7-2,9	7.000-7.500
2	Đô thị Long Biên - Gia Lâm	140,85	1,0-1,1	7.000 - 8.000
3	Chuỗi đô thị Nam Sông Hồng	460,24	5,6-6,0	12.000-13.000
4	Sông Hồng - Sông Đuống	88,03	0,2-0,3	2.000 – 3.000
II	<i>Thành phố phía Tây, Đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, thị trấn</i>	<i>269,32</i>	<i>1,88-2,26</i>	<i>7.000-8.500</i>
1	Thành phố phía Tây (khu vực đô thị)	134,75	0,9-1,1	6.000 - 8.000
2	Đô thị vệ tinh	89,91	0,6-0,7	6.000-8.000
3	Thị trấn sinh thái	32,04	0,2-0,26	6.000-8.000
4	Thị trấn	12,62	0,18-0,2	4.000-6.000
B	Khu vực ngoại thị	2.015,9	2,04-3,22	1.000-1.500

8. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

8.1. Điều chỉnh định hướng quy hoạch công nghiệp:

- Mô hình phát triển khu công nghiệp: Hình thành 04 vùng phát triển công nghiệp tập trung.

+ Vùng phía Bắc: Đẩy mạnh liên kết vùng và hành lang kinh tế Côn Minh – Hà Nội – Hải Phòng. Định hướng phát triển công nghiệp đa ngành, lĩnh vực: CN điện tử - CNTT, cơ khí, sản xuất ô tô, công nghiệp vật liệu hiện đại,...

+ Vùng phía Đông: Tiếp tục phát triển mở rộng các khu công nghiệp kết nối với cảng Hải Phòng. Định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện chất lượng cao gắn với xuất khẩu...

+ Vùng phía Nam: Phát triển hành lang kinh tế Bắc-Nam dọc quốc lộ 1A. Định hướng phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp Công nghệ cao gắn với việc phát triển chế biến nông sản công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp hỗ trợ.

+ Vùng phía Tây (Hòa Lạc, Xuân Mai): Gắn với vùng kinh tế Tây Bắc và đường Hồ chí Minh. Định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao trên cơ sở đẩy mạnh phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghiệp Bắc Phú Cát, với công nghệ năng lượng, vật liệu sạch, thân thiện môi trường,...

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 130/QĐ-TTg, di chuyển các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm ra khỏi nội đô.

- Khu công nghiệp: phát triển 22 khu công nghiệp (gồm 17 khu công nghiệp đã phê duyệt và 05 khu công nghiệp bổ sung), tổng diện tích khoảng 5.594 ha (huyện Sóc Sơn 04 khu công nghiệp; huyện Thanh Oai 02 khu công nghiệp và các huyện Phú Xuyên, Mê Linh, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ, Thường Tín và thị xã Sơn Tây, mỗi địa phương 01 khu công nghiệp. Chuyển đổi chức năng KCN Hà Nội-Đài Tư (quận Long Biên), diện tích 40,0 ha). Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp toàn thành phố đạt 70-75% (khu công nghiệp đã thành lập) và 100% các khu công nghiệp hoạt động.

- Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin: phát triển 3 khu (1) Khu công nghệ cao Hoà Lạc (huyện Quốc Oai và Thạch Thất) với quy mô 1.586 ha, theo mô hình mở, trở thành đầu mối quan trọng của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, có hạ tầng hiện đại và thông minh; thúc đẩy phát triển chuỗi hoạt động tri thức và công nghệ giữa các trường đại học, tổ chức nghiên cứu và triển khai, doanh nghiệp và thị trường; (2) Khu công nghệ cao sinh học (Quận Bắc Từ Liêm) với quy mô 203,66 ha. Thu hút đầu tư từ các tập đoàn, công ty hàng đầu thế giới về phát triển công nghệ sinh học góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong khu vực; (3) Khu CNTT Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội (Quận Long Biên) với quy mô 32,14 ha. Triển khai đầu tư một số vườn ươm điểm, chuyên nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc thù phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển mạng liên kết giữa các Khu công nghệ thông tin Hà Nội với các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin để chia sẻ thông tin, tri thức giữa các đơn vị đào tạo, nghiên cứu với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Cụm công nghệ: trên địa bàn thành phố dự kiến quy hoạch và phát triển 194 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 7.082,3 ha (trung bình 36,5 ha/cụm công nghiệp).

- TTCN, làng nghề: Phát triển TTCN và ngành nghề nông thôn gắn với phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn; góp phần giữ gìn và phát huy các sản phẩm công nghiệp và TTCN truyền thống.

8.2. Điều chỉnh định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại:

Hệ thống thương mại tiếp tục thực hiện theo định hướng Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt năm 2011. Tuy nhiên để phù hợp sự phát triển nền thương mại trên thế giới và tình hình thực tế, đề xuất một số nguyên tắc sau:

(1). Hệ thống trung tâm thương mại cấp vùng – Logistic:

- Nguyên tắc bố trí:

- + Bố trí trên trục đường hướng tâm của ngõ và Vành đai GT;
- + Bố trí theo luồng hàng hóa;
- + Bố trí gần các trung tâm bán hàng quy mô lớn;
- + Gần các điểm đầu mối giao thông;
- + Kết nối các đầu mối vận tải: đường sắt, hàng không, cảng đường thủy.

- Định hướng năm 2025: Đưa vào hoạt động khai thác một số hạ tầng dịch vụ logistics: 02 trung tâm logistics (Hạng 1: cảng hàng không quốc tế Nội Bài,

hạng 2: Phú Xuyên), 02 cảng cạn ICD (Cổ Bi, Đức Thượng), 01 cảng thủy container quốc tế (Phù Đồng), 05 trung tâm tiếp vận (phía Nam, ga Bắc Hồng, Đông Bắc, phía Tây (ga Tây Hà Nội), Tây Nam (ga Hà Đông) và một số hệ thống kho chuyên dụng.

- Đề xuất:

+ Tổ hợp TOD Nội Bài: Là điểm kết nối đa phương tiện lớn nhất miền bắc có sự tham gia của các loại hình giao thông đường không, đường sắt, đường bộ và ĐSĐT (điểm đầu tuyến ĐSĐT số 2 và số 6), với ưu điểm là cửa ngõ của Việt Nam vươn ra thế giới. Khu vực TOD Nội Bài được đánh giá có mức quan trọng cấp quốc gia, đặc biệt là đặt trong bối cảnh mới có vị trí nằm trong thành phố phía Bắc sông Hồng định hướng phát triển thành thành phố kết nối toàn cầu, thành phố sáng tạo, chuyên giao, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ thời kỳ 4.0. Tổ hợp TOD Nội Bài không những cung ứng một trung tâm dịch vụ sân bay, dịch vụ logistic, trung tâm thương mại miễn thuế tầm cỡ khu vực mà còn là tổ hợp giải trí, triển lãm giới thiệu văn hóa, nguồn lực kinh tế thu nhỏ của quốc gia, tăng sự hấp dẫn cho luồng du khách quá cảnh, dần cạnh tranh mạnh mẽ với sân bay quốc tế Singapore, Malaysia và Thái Lan.

+ Nâng cấp chất lượng các điểm logistic trên cơ sở đã được xác lập tại QHC2011 và Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015).

+ Nghiên cứu một số vị trí điểm logistic tại các khu vực: Thành phố phía Tây (khu vực ngoài phạm vi đường vành đai 4).

+ Phân đầu là một trong những trung tâm Logistic của cả nước và khu vực.

(2). Trung tâm mua sắm cấp vùng:

- Trung tâm mua sắm miễn thuế:

+ Nguyên tắc bố trí: kết hợp lồng ghép với hệ thống thương mại dịch vụ tập trung tại đầu mối nhà ga hàng không quốc tế, kết shopwj cùng các loại hình du lịch hỗ trợ để hình thức thương mại miễn thuế trở thành bàn đạp để phát triển cửa ngõ thương mại giới thiệu các sản phẩm thương hiệu Việt Nam ra thế giới.

+ Đề xuất: hình thành tại tổ hợp TOD Nội Bài với tầm cỡ thu hút khách quốc tế toàn thế giới, cạnh tranh mạnh mẽ với các trung tâm mua sắm miễn thuế của khu vực; Trung tâm miễn thuế Phú Xuyên dự kiến hình thành trong giai đoạn sau cùng với sân bay quốc tế thứ 2.

- Trung tâm mua sắm outlet:

+ Nguyên tắc bố trí: Đặt tại các tổ hợp TOD thuộc khu vực phát triển mới, gần các địa điểm du lịch nổi tiếng, gần trung tâm các thành phố lớn, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch có liên quan, kết nối với các phương tiện giao thông liên vùng, liên quốc gia.

+ Đề xuất: Địa điểm xây dựng outlet: Tổ hợp TOD Nội Bài, Ngọc Hồi

- Trung tâm mua sắm hàng hiệu (Branded shopping Center): Là tổ hợp thương mại chuyên cung cấp các sản phẩm của các nhãn hiệu chính thống trên toàn thế giới hoặc của Việt Nam. Mục đích của các trung tâm này là địa điểm tập trung các thương hiệu lớn của thế giới nhằm tạo môi trường hòa nhập cho các

thương hiệu lớn của Việt Nam có điều kiện được quảng bá sản phẩm một cách bình đẳng.

+ Nguyên tắc bố trí: kết hợp cùng chuỗi không gian dịch vụ CBD của đô thị tạo dựng sự đa dạng và đẳng cấp trong nền sinh thái thương mại trung tâm.

+ Đề xuất: Tổ hợp chuỗi không gian đi bộ- thương mại cao cấp dọc trục phố Trần Hưng Đạo nối từ nhà ga trung tâm Hà Nội đến Quảng trường tại điểm đầu cầu/hầm Trần Hưng Đạo (tạm đặt tên là quảng trường Hòa Bình) kết nối với không gian mở ngoài đê sông Hồng.

- Trung tâm mua sắm Wholesale: là hình thức các trung tâm thương mại bán buôn, hoặc bán lẻ với giá bán buôn.

+ Nguyên tắc bố trí: Kết hợp cùng các tổ hợp TOD cửa ngõ đô thị, thuận tiện cho việc phân phối sản phẩm, quy tập sản phẩm từ các vùng miền.

+ Đề xuất: Tổ hợp TOD Yên Viên, Ngọc Hồi

(3). Đẩy mạnh mô hình chợ đầu mối nông sản:

- Khẳng định vị thế, uy tín chất lượng của Việt Nam nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng.

- Ngoài 02 chợ đầu mối chính gồm Hoàng Mai ở phía Nam và Minh Khai ở Bắc Từ Liêm, còn có 05 chợ tập trung mang hơi hướng đầu mối là chợ Long Biên, chợ cá Yên Sở, chợ gia cầm Hà Mỹ và chợ Quảng An. Phần lớn các chợ đầu mối này đều nằm ở khu vực trung tâm và chưa có năng lực trong việc giao thương quốc tế.

- Xác định các điểm chợ đầu mối nông sản có vị trí chiến lược, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (Điểm chợ nông sản có vai trò chợ đầu mối quốc tế tại khu vực Gia Lâm đang đầu tư xây dựng (xã Yên Thường, Gia Lâm) cần đẩy nhanh tiến độ dự án,...).

(4). Hệ thống hạ tầng thương mại gắn hệ thống đường sắt đô thị (TOD):

Xác định các trung tâm dịch vụ thương mại, hệ thống chuỗi cửa hàng bán lẻ kết hợp với các ga đường sắt đô thị theo cấp độ ảnh hưởng (Cấp TOD quốc gia, Cấp TOD đô thị, Cấp TOD khu vực).

8.3. Điều chỉnh định hướng quy hoạch dịch vụ du lịch:

- Rà soát, xây dựng nội dung Quy hoạch hệ thống du lịch tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô và Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hình thành các tuyến du lịch:

+ Tuyến du lịch mang tính quốc tế: Liên kết Hà Nội với các điểm đến quốc tế theo đường hàng không; đường sắt liên vận quốc tế: Hà Nội - Trung Quốc, Hà Nội - Lào; đường bộ xuyên Á.

+ Tuyến du lịch quốc gia: Các tuyến du lịch quốc gia phát triển trên cơ sở các tuyến quốc lộ từ Hà Nội gồm: Quốc lộ 1; Quốc lộ 2; Quốc lộ 3; Quốc lộ 5; Quốc lộ 6; Quốc lộ 32.

+ Tuyến du lịch nội vùng gồm: City Tour nội thành; Tuyến Hồ Tây - Cổ Loa - Đền Sóc; Tuyến Trung Tâm Hà Nội - Văn Trì - Đền Sóc - Bắc Ninh; Tuyến Hà Nội - Sơn Tây - Ba Vì; Tuyến Sông Đáy; Tuyến Sông Hồng: Chương Dương - Đền Lộ - Bát Tràng; Trung Tâm Hà Nội - Chùa Hương - Tam Chúc.

8.4. Điều chỉnh định hướng quy hoạch nông, lâm, ngư, nghiệp :

- Bám sát Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về xây dựng Nông thôn mới.
- Kế thừa, phát huy định hướng trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch, bám sát quy hoạch chuyên ngành thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp trong thời gian tới.
- Cải thiện môi trường sống các thị trấn, làng theo hướng sinh thái.
- Hướng đến mô hình Nông nghiệp đô thị phát triển bền vững, tiếp tục phát triển nông nghiệp gắn với hình thành hành lang xanh bảo vệ môi trường Thủ đô.
- Xây dựng, hình thành các trung tâm nghiên cứu lớn phát triển sản xuất nông nghiệp mang lại giá trị lớn đi đôi với chất lượng, trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa cao, diện tích nông nghiệp thu hẹp diện tích.
- Xây dựng, hình thành các trung tâm giới thiệu sản phẩm quy mô lớn.
- Vận động, khuyến khích người dân sản xuất nông nghiệp kiểu mới, áp dụng khoa học công nghệ tạo ra giá trị lớn cho Thành phố.
- Hình thành các mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch, mô hình nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, khách sạn, trải nghiệm hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại với mô hình thích hợp, đạt được hiệu quả cao - chất lượng và sạch.
- Chuyển đổi cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo hướng gia công dịch vụ, sản xuất hàng hóa.
- Phát triển các sản phẩm sạch, năng suất cao. Quy hoạch và xây dựng các vùng trồng lúa, vùng hoa, vùng cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy sản với quy mô thích hợp.

8.5. Điều chỉnh định hướng quy hoạch công sở, viện nghiên cứu, văn phòng làm việc:

- Rà soát, xây dựng nội dung quy hoạch hệ thống công sở, viện nghiên cứu tích hợp vào Điều chỉnh QHC Thủ đô và Quy hoạch Thủ đô.
- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và cần có sự chỉ đạo thống nhất cũng như cơ chế chính sách đối với các khu đất sau khi di dời. Sớm hoàn chỉnh các danh mục, tiêu chí, lộ trình, cơ chế và biện pháp di dời; đồng thời có chế tài, quy định bắt buộc việc bàn giao lại quỹ đất sau khi di dời ra ngoài nội thành để Thành phố ưu tiên xây dựng, phát triển các công trình công cộng, đặc biệt tại các khu vực nội đô lịch sử, khu vực có hạ tầng đô thị quá tải.
- Bổ sung việc phân bổ, xác định quỹ đất dành cho các Viện nghiên cứu tại khu vực dự kiến hình thành các trường đại học, đào tạo, trụ sở Bộ ngành, cơ sở sản xuất mới theo quy hoạch.
- Tiếp tục thực hiện việc bố trí tập trung các cơ quan của Thành phố về quanh khu vực Hồ Gươm.
- Phân kỳ đầu tư, xây dựng cơ chế nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo chủ trương xã hội hóa đầu tư.

- Nghiên cứu bố trí hệ thống trung tâm hành chính mới cho các Thành phố trực thuộc dự kiến hình thành.

8.6. Điều chỉnh định hướng quy hoạch phát triển nhà ở:

- Định hướng chính:

+ Dự báo nhu cầu nhà ở của các nhóm đối tượng đến năm 2030 và 2045 bao gồm nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội (trong đó có nhà ở cho công nhân, người lao động tại các khu, cụm công nghiệp, nhà ở cho sinh viên,...), nhà ở công vụ (nếu có) từng giai đoạn.

+ Xác định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở thành phố đến năm 2030 và 2045.

+ Dự báo quỹ đất cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở của Thành phố trong giai đoạn 2025 - 2030 - 2045.

+ Xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp với tình hình cụ thể của Thành phố, dựa trên các mục tiêu được đề ra nhưng vẫn đảm bảo được tính bền vững cho công tác phát triển nhà ở.

- Các chỉ tiêu đề xuất: Diện tích sàn nhà ở bình quân toàn thành phố đạt 32m² sàn/người, trong đó:

+ Nhà ở đô thị: 33m² sàn sử dụng/người.

+ Nhà ở nông thôn tối thiểu: 28m² sàn sử dụng/người.

- Đối với nhà ở xã hội: Phát triển mới khoảng 2,5 triệu m² sàn nhà ở. Giảm tại khu vực trung tâm, tăng tại các khu vực phát triển mới, các đô thị vệ tinh, đô thị sinh thái, đảm bảo mục tiêu thu hút dân cư ra khỏi các khu vực trung tâm, gắn kết với nơi làm việc mới.

- Đối với cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ: Phân bổ lại quy mô dân số tại các khu vực quy hoạch, cân đối tại chỗ, đáp ứng hệ thống hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh,... tại khu vực, hài hòa lợi ích các bên.

- Đối với khu vực nhà ở nông thôn: Xây dựng các công trình nhà ở giữ được bản sắc của khu vực nông thôn từng vùng miền, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Nhà ở nông thôn khu vực đô thị hóa: Hướng tới các mẫu nhà hiện đại, tiệm cận với tiêu chuẩn sống của đô thị nhưng vẫn kế thừa các nét kiến trúc tiêu biểu, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

+ Nhà ở nông thôn thuần túy: Nghiên cứu các mô hình nhà ở kết hợp sản xuất, sử dụng các nguyên liệu sẵn có ở địa phương, ứng dụng các công nghệ mới để giảm giá thành phù hợp với khả năng kinh tế của đại bộ phận người dân.

+ Nhà ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc: Xây dựng nhà ở theo phong tục, tập quán địa phương, sử dụng các vật liệu địa phương, tôn trọng tối đa địa hình khu vực.

8.7. Điều chỉnh định hướng quy hoạch cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

- Nâng cấp các bệnh viện, cơ sở y tế hiện có trong nội đô, khai thác phục vụ cộng đồng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; di chuyển các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm, mức độ lây nhiễm cao ra khỏi nội đô. Dành quỹ đất cho các cơ sở nghiên cứu - đào tạo - khám chữa bệnh chất lượng cao.

- Tiếp tục phát triển các trung tâm y tế khám, chữa bệnh tại các đô thị vệ tinh, đô thị sinh thái, thị trấn giải quyết vấn đề khám chữa bệnh cho địa phương sở tại.

- Tiếp tục định hướng theo Quyết định số 130/QĐ-TTg, di chuyển các cơ sở điều trị, chữa bệnh ra khỏi nội đô (xây dựng cơ sở 2 của các bệnh viện tuyến TW). Phạm vi mở rộng từ vành đai 4 trở lại trong khoảng bán kính phục vụ 30km nhằm đảm bảo việc di chuyển thuận lợi. Y tế khám, chữa bệnh tuyến Trung ương chỉ tập trung ở khu vực đô thị trung tâm.

- Đầu tư xây dựng mới các bệnh viện chuyên khoa (Lão khoa, Nội tiết, Mắt, Nhiệt đới, Nhi,...), một số bệnh viện khu vực và tiếp nhận một số bệnh viện của Bộ, Ngành đóng trên địa bàn về Thành phố quản lý.

- Hình thành các tổ hợp y tế gắn với tính chất của đô thị.

- + Sơn Tây: Tổ hợp y tế gắn với du lịch chăm sóc sức khỏe, trung tâm dưỡng lão, phục hồi chức năng. Quy mô khoảng 50ha.

- + Hòa Lạc: Tổ hợp y tế gắn với nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ (sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế,...). Quy mô khoảng 100-120ha.

- + Sóc Sơn: Tổ hợp y tế gắn với sân bay, bệnh viện quốc tế phục vụ khách du lịch. Quy mô khoảng 80ha.

- Hình thành 01 khu phức hợp y tế, 01 Khu công nghiệp dược, trang thiết bị y tế theo dự kiến các cơ sở y tế mới trong Quy hoạch tổng thể Quốc gia trên địa bàn Hà Nội.

- Khu phức hợp y tế đề xuất đặt tại trung tâm thành phố phía Bắc (khu vực Đông Anh – Mê Linh – Sóc Sơn), thuận tiện về giao thông đồng thời tạo động lực và sức hút cho thành phố mới. Quy mô khoảng 50ha.

- KCN dược, trang thiết bị y tế đề xuất đặt tại khu vực công nghiệp của đô thị vệ tinh Phú Xuyên để tạo nguồn lực cho địa phương. Quy mô khoảng 150-160ha.

- Tổ hợp công trình y tế tại Gia Lâm. Quy mô khoảng 50ha.

- Định hướng phát triển xây dựng cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, cơ sở nghiên cứu chuyển giao công nghệ. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng để ứng phó với các dịch bệnh bất thường.

8.8. Điều chỉnh định hướng quy hoạch cơ sở giáo dục, đào tạo:

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo là yếu tố tạo thị rất quan trọng của Thủ đô, cần có các chính sách thu hút, phân bổ hợp lý để thúc đẩy sự phát triển của các đô thị.

- Đối với các trường không trong danh mục di dời nếu có nhu cầu mở rộng cần có chính sách ưu đãi, tạo điều kiện bố trí quỹ đất phù hợp tránh trường hợp các trường di dời sang các địa phương khác. Chuyển đổi các quỹ đất sau khi di dời thành các trung tâm nghiên cứu, hợp tác quốc tế hoặc đào tạo chất lượng cao sau đại học, các công viên cây xanh, bến bãi đỗ xe và các công trình tiện ích công cộng chất lượng cao phục vụ khu dân cư (không phát triển nhà ở).

- Hình thành quần thể các trường đại học đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện với hạ tầng tại khu vực Sóc Sơn, Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên...

- Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế.

- Với khu vực nội đô không còn quỹ đất mở rộng, khu vực cải tạo cho phép tăng mật độ xây dựng và tăng cao hơn so với Quy chuẩn để đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất giáo dục.

- Thực trạng hiện nay một số cụm trường được định hướng trong Quy hoạch chung được duyệt năm 2011 chưa sát với thực tế cần nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh về quy mô như các cụm trường tại các đô thị vệ tinh.

- Định hướng phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo

+ Khu đại học quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất. Quy mô khoảng 1.000 ha. Định hướng là trung tâm đầu não về khoa học kỹ thuật công nghệ cao, trung tâm đào tạo, giáo dục chất lượng cao, xã hội và nhân văn.

+ Khu giáo dục đào tạo tại Sơn Tây, tại khu vực Thị xã Sơn Tây. Quy mô khoảng 300-350ha. Định hướng đào tạo lĩnh vực An ninh quốc phòng, văn hóa, du lịch

+ Khu giáo dục đào tạo tại Xuân Mai, huyện Chương Mỹ. Quy mô khoảng 300ha. Định hướng là Trung tâm giáo dục, nghiên cứu và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục như trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm hỗ trợ nghiên cứu, lab cộng đồng, trung tâm dịch vụ... kinh tế, tài chính.

+ Khu giáo dục đào tạo tại Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ. Quy mô khoảng 150-200ha. Định hướng phát triển Văn hóa, du lịch, kỹ thuật, tư pháp, hành chính, thể dục thể thao, sự phạm.

+ Khu giáo dục đào tạo tại Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn. Quy mô khoảng 200-300 ha. Định hướng phát triển thành cụm trường đào tạo, nghiên cứu phát triển ngành hàng không, logistic.

+ Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục tại Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên. Quy mô khoảng 200-300 ha. Định hướng là khu vực đào tạo, nghiên cứu Khoa học công nghệ cao, nghiên cứu ngành Y – Dược – Sinh hóa phẩm.

+ Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục Long Biên – Gia Lâm. Quy mô khoảng 200 ha. Định hướng là khu vực Gia Lâm – Long Biên đào tạo, nghiên cứu ngành nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ.

+ Khu giáo dục đào tạo tại Đan Phượng, huyện Đan Phượng. Quy mô khoảng 100-150ha. Định hướng đào tạo, nghiên cứu kinh tế - tài chính – kế toán.

+ Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục Đông Anh - Mê Linh. Quy mô khoảng 100ha. Định hướng là Trung tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt nhấn mạnh đầu tư cho các ngành công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật cao, thông minh, ứng dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh

8.9. Điều chỉnh định hướng quy hoạch công trình văn hóa:

- Phát triển mạng lưới công trình văn hóa gắn với phát triển du lịch và xã hội hóa. Định hướng một số trung tâm văn hóa cho thành phố Hà Nội mở rộng ra các vùng phát triển mới như khu vực nội đô mở rộng (từ vành đai 2 đến sông Nhuệ) và khu vực phía Bắc sông Hồng. Cải tạo chỉnh trang các trung tâm văn hóa hiện có.

- Hoàn chỉnh mạng lưới công trình văn hóa theo tầng bậc.

- Xây dựng mới và tiếp tục hoàn thiện các công trình văn hóa lớn, tiêu biểu của Thủ đô với không gian sinh hoạt văn hóa tầm cỡ quốc gia, quốc tế.

- Rà soát quỹ đất sản xuất thuộc diện di dời trong đô thị, nghiên cứu chuyển đổi chức năng thành các không gian văn hóa

- Thiết lập hệ thống quảng trường văn hóa, không gian giao lưu cộng đồng, không gian đi bộ... Tổ chức không gian văn hóa, vùng văn hóa gắn kết với khu vực có văn hóa đặc trưng: Vùng văn hóa Thăng Long tại trung tâm Thủ đô, vùng văn hóa Xứ Đoài tại khu vực phía Tây Thủ đô.

- Phân kỳ đầu tư, xây dựng cơ chế nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo chủ trương xã hội hóa đầu tư.

8.10. Điều chỉnh định hướng quy hoạch thể dục, thể thao:

- Xây dựng khu thể thao cấp quốc gia, đáp ứng điều kiện tổ chức các sự kiện thể thao quốc tế gồm:

+ Khu thể thao phía Bắc sông Hồng tại Đông Anh phục vụ đại hội thể thao cấp quốc tế Olympic, Asiad,... Quy mô khoảng 150 ha.

+ Khu liên hợp thể thao Nam Hà Nội tại Thanh Trì, Thường Tín: Trung tâm nghiên cứu phát triển thi đấu thể thao điện tử quốc tế quy mô khoảng 150ha

+ Khu thể thao phía Tây – tổ hợp thể thao địa hình tầm cỡ quốc tế - quy mô khoảng 60 ha.

+ Khu thể thao phía Tây tại Hoà Lạc – Xuân Mai, quy mô khoảng 20ha: là hợp liên hiệp thể thao học sinh – sinh viên quốc gia, hệ thống phụ trợ khi có các sự kiện thể thao quốc tế đặt tại Thành phố phía Tây; hình thành tổ hợp huấn luyện và ương mầm thể thao quốc gia mới dành cho giới trẻ;

+ Trung tâm thể thao dưới nước ở khu vực Hồ Tây – quy mô khoảng 5 ha.

+ Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian sông Hồng tại Trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch sông Hồng quy mô khoảng 20ha: tổ chức thể thao dân tộc và trò chơi dân gian

Là tổ hợp các công trình điểm nhấn của Thủ đô Hà Nội.

- Xây dựng tổ hợp thể thao cấp vùng – phù hợp định hướng Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt năm 2011 với quy mô 40-50 ha.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng các công trình thể thao cấp tỉnh, thành phố hiện có nhằm đáp ứng điều kiện phục vụ các đại hội tầm cỡ quốc gia và khu vực với quy mô khoảng 15-20 ha.

- Trong nội thành: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở thể dục thể thao hiện có. Nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối các khu thể dục thể thao các cấp. Tăng cường xây dựng hệ thống các công trình thể thao, sân bãi trong các học viện, trường đại học.

- Các đô thị vệ tinh và các thị trấn: phù hợp định hướng Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt năm 2011, xây dựng mới mạng lưới các khu, cơ sở thể dục thể thao cấp vùng, cấp cơ sở,... đồng bộ, hiện đại với với số lượng và quy mô căn cứ theo quy mô của từng đô thị được quy hoạch. Xây dựng mới các tuyến và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy chuẩn quy định về các loại đường trong đô thị tạo điều kiện phát triển hệ thống thể dục thể thao.

- Khu vực nông thôn: Cải tạo và nâng cấp cơ sở thể dục thể thao, chú trọng mở rộng các khu vực thể dục thể thao tập trung. Hình thành mạng lưới hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối các cơ sở thể dục thể thao các cấp trong ngoài khu vực

với nhau. Xây dựng mới, đồng bộ hệ thống cơ sở thể dục thể thao hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu.

8.11. Định hướng đảm bảo quốc phòng, an ninh:

Tuân thủ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch xác định khu quân sự và lập Hợp phần Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển KT-XH và tích hợp vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong quá trình triển khai lập Quy hoạch chung các đô thị vệ tinh và các quy hoạch phân khu cấp 2, một số khu vực đất công cộng hỗn hợp đã được chuyển đổi lại thành đất quốc phòng, an ninh như hiện trạng sử dụng đất theo yêu cầu của Bộ tư lệnh Thủ đô.

Rà soát lại các quỹ đất, có cơ chế quản lý đối với đất an ninh quốc phòng, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Quy hoạch đô thị và phù hợp thực tế quản lý sử dụng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

9. Định hướng điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Điều chỉnh định hướng quy hoạch Giao thông :

9.1.1. Quy hoạch mạng lưới đường bộ :

- Cập nhật và rà soát quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để cụ thể hóa về vị trí và hướng tuyến, nghiên cứu chuẩn hóa cấp hạng, quy mô điểm đầu, điểm cuối các tuyến cao tốc, quốc lộ và một số trục đường chính cấp đô thị (đường cao tốc Chợ Bền – Yên Mỹ, trục Hồ Tây - Ba Vì, đường 18 phía Nam sân bay Nội Bài; Quốc lộ 21, các tuyến đường cấp đô thị trong phạm vi trung tâm...); Bổ sung thêm các tuyến đường bộ kết nối với các tỉnh thành lân cận: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang; Rà soát bổ sung các nút giao thông kết nối mạng đường địa phương với các tuyến đường bộ cao tốc theo nhu cầu của các quận, huyện, thị xã...

- Điều chỉnh, bổ sung các tuyến cao tốc đô thị, đường trên cao, đường trục đô thị kết nối đô thị trung tâm với cảng hàng không quốc tế Nội Bài và cảng hàng không thứ 2 (dự kiến nâng cấp, điều chỉnh hướng tuyến đường trục phía Nam, đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên thành cao tốc đô thị để kết nối).

- Rà soát điều chỉnh vị trí và quy mô các bến xe đối ngoại trên địa bàn Thành phố theo hướng tăng quy mô dự trữ quỹ đất để bố trí các hạng mục phục vụ nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa, nâng cao chất lượng phục vụ của các bến xe liên tỉnh.

- Mạng lưới đường bộ tại đô thị trung tâm Hà Nội cơ bản giữ nguyên kết cấu mạng dạng lưới vành đai – hướng tâm. Bổ sung điều chỉnh mạng lưới giao thông và các công trình hạ tầng giao thông theo định hướng phát triển không gian tại các khu vực phát triển mới đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Nghiên cứu tăng cường kết nối hệ thống giao thông đường bộ với các ga đường sắt quốc gia, cảng đường thủy nội địa, các cảng hàng không.

- Bổ sung tăng cường khả năng kết nối giao thông qua các sông lớn (bổ sung thêm các cầu đường bộ, cầu đường sắt đô thị kết hợp đi riêng hoặc đi chung với cầu qua sông Hồng, sông Đuống, sông Đà...). Riêng với trục cảnh qua sông Hồng, việc bổ sung các cầu đường bộ, cầu đường sắt đô thị kết hợp đường bộ qua

sông được nghiên cứu tổng thể, đồng bộ với tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, phục hồi môi trường, tổ chức và khai thác hành lang giao thông thủy – bộ (gồm tuyến và các cảng đường thủy nội địa, đường trục chính đô thị dọc 2 bên sông).

- Nghiên cứu lộ trình các phương tiện giao thông đường bộ chuyển đổi từ động cơ đốt trong sang động cơ điện. Định hướng quy hoạch các trạm lưu trữ năng lượng, trạm sạc, chuyển đổi dần các trạm cung cấp xăng dầu sang kết hợp trạm sạc điện.

- Khai thác tối đa không gian trên cao, không gian ngầm để xây dựng mạng lưới giao thông tại các khu vực không có khả năng phát triển thêm hạ tầng giao thông trên mặt đất nhưng vẫn phải đảm bảo tính hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và di sản.

- Dành đủ quỹ đất xây dựng hệ thống bãi đỗ xe công cộng tập trung; bố trí bãi đỗ xe trong các khu đất dự án đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu theo quy định (rà soát, cập nhật theo Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố Hà Nội được duyệt tại Quyết định phê duyệt số 1218/QĐ-UBND ngày 08/4/2022).

9.1.2. Quy hoạch mạng lưới đường sắt:

Cập nhật quy hoạch đường sắt quốc gia đầu mối trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, theo đó:

- + Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam và bố trí quỹ đất cho các ga trên địa bàn Thành phố tại khu vực Ngọc Hồi và Phú Xuyên theo nghiên cứu tiền khả thi đang triển khai thực hiện.

- + Giữ nguyên vị trí và hướng tuyến mạng lưới đường sắt quốc gia. Chuyển đổi đoạn tuyến đường sắt quốc gia xuyên tâm Yên Viên – Ngọc Hồi và Gia Lâm - Phú Thị - Lạc Đạo sang đường sắt đô thị, đồng thời điều chỉnh quy mô, tính chất ga Cổ Bi chỉ còn chức năng phục vụ đường sắt đô thị.

- + Rà soát, điều chỉnh mở rộng ga Ngọc Hồi về phía Tây để bố trí thêm các nhu cầu xây dựng depot tuyến đường sắt tốc độ cao, ga hàng hóa đường sắt quốc gia và dự trữ phát triển ngành công nghiệp đường sắt; rà soát điều chỉnh quy mô ga Yên Viên, Bắc Hồng, bổ sung ga Yên Thường cho tuyến đường sắt vành đai phía Đông, xem xét điều chỉnh vị trí quy hoạch ga Tây Hà Nội để đảm bảo tính khả thi. Bổ sung quỹ đất phục vụ di dời các cơ sở đường sắt trong khu vực nội thành hiện có (Nhà máy xe lửa Gia Lâm, Xí nghiệp đầu máy toa xe...).

- + Nghiên cứu bổ sung khả năng chạy chung tàu đường sắt quốc gia với đường sắt đô thị trên tuyến đường sắt vành đai; nghiên cứu bổ sung kết nối các tuyến đường sắt đô thị với mạng lưới đường sắt quốc gia và các đầu mối giao thông lớn (cảng đường thủy, sân bay...).

9.1.3. Quy hoạch mạng lưới đường thủy:

Trên cơ sở cập nhật và rà soát quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 để nghiên cứu cụ thể hóa vị trí, quy mô công suất, đất đai cho các cụm cảng, cảng thủy nội địa đầu mối trên địa bàn thành phố ; có dự trữ công suất để đầu tư phát triển thêm cảng khác khi có nhu cầu;

- Bổ sung tuyến giao thông thủy phục vụ du lịch (du thuyền trên sông) hành trình văn hóa di sản từ Đền Hùng – Sơn Tây- Hoàng Thành- Cổ Loa- Phố Hiến.

- Đề xuất xây dựng hành lang tàu thủy buýt (Water bus) dọc sông Hồng, kết nối hai bên bờ sông Hồng, vừa là phương tiện giao thông vừa là hành trình kết nối di sản văn hóa trên các điểm TOD trú trọng khai thác cảnh quan, không gian mở và du lịch văn hóa dọc sông.

- Nghiên cứu bổ sung cảng đầu mối trên sông Đuống ở hạ lưu cảng Phù Đổng (không còn khả năng mở rộng), phù hợp với hạn chế tĩnh không cầu Phù Đổng trên sông Đuống.

- Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất quy hoạch cảng Hồng Hà trên sông Hồng, để đầu tư đồng bộ khu cảng cạn và cảng thủy nội địa, Trung tâm logistic và kết hợp cảng du lịch nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và trong khu vực.

- Nghiên cứu cụ thể hóa các cảng khách, cảng chuyên dùng, cảng khai thác vật liệu xây dựng của các huyện trên địa bàn Thành phố để khai thác có hiệu quả các tuyến thủy nội địa phục vụ nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa, phát triển kinh tế địa phương.

9.1.4. Định hướng quy hoạch đường hàng không:

- Cập nhật và rà soát Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 :

- + Cảng hàng không quốc tế Nội Bài: Là cửa ngõ quan trọng nhất trong giao lưu quốc tế của khu vực miền Bắc nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng. Là cảng hàng không cấp 4F, lưu lượng hành khách thông qua đến năm 2030: 60 triệu khách/năm, diện tích khoảng 1500ha; đến năm 2050: 100 triệu khách/năm, diện tích khoảng 2200ha, mở rộng về phía Nam.

- + Cảng hàng không thứ 2 vùng Thủ đô Hà Nội hỗ trợ cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài nằm ở phía Nam Thủ đô Hà Nội là cảng hàng không nội địa (đảm bảo đủ điều kiện để chuyển đổi sang phục vụ cảng hàng không quốc tế khi cần thiết); công suất: 30- 50 triệu hành khách/năm, diện tích 1300 – 1500ha. Sẽ triển khai sau năm 2030.

- + Khai thác sử dụng sân bay Hòa Lạc, sân bay Gia Lâm theo hướng lưỡng dụng, kết hợp sử dụng cho mục đích quân sự với dân dụng;

- + Xác định cụ thể các cảng hàng không tiềm năng khác (nếu có).

9.1.5. Hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn :

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung mạng lưới đường sắt đô thị, BRT đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu mới và định hướng phát triển không gian điều chỉnh.

- Nghiên cứu định hướng quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng mô hình TOD trên nền tảng hệ thống đường sắt đô thị, tạo nguồn lực phát triển hệ thống đường sắt đô thị từ đất đai. Tổ chức kết nối, trung chuyển đa phương thức giữa các loại hình giao thông công cộng.

- Định hướng quy hoạch các tiện ích gắn với các ga đường sắt đô thị để tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án tuyến đường sắt đô thị.

- Ưu tiên quỹ đất (kể cả khai thác không gian ngầm) để xây dựng các điểm trung chuyển vận chuyển HKCC giữa các ga đường sắt đô thị với các tuyến xe buýt và xe taxi (kể cả xe 2 bánh), giữa các tuyến xe buýt với nhau.

- Dành đủ quỹ đất để xây dựng các điểm đầu cuối, để đỗ xe buýt, bãi đỗ xe.

- Xây dựng các hành lang giao thông công cộng mới như:

+ Tuyến kết nối chuỗi các đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc- Xuân Mai- Phú Xuyên

+ Tuyến kết nối Gia Lâm- Long Biên- Đông Anh- Mê Linh- Vĩnh Phúc

+ Tuyến kết nối Sóc Sơn – Đông Anh – Long Biên

+ Tuyến khép vòng kết nối trực tiếp liên thông giữa khu vực nội đô và Thành phố Bắc sông Hồng trên cơ sở xem xét điều chỉnh tuyến đường sắt số 04

+ Tuyến kết nối vành đai 2 đi sân bay nội bài

+ Tuyến kết nối Yên Nghĩa- Xuân Mai

Hình thức xây dựng các hành lang giao thông công cộng được thực hiện dựa trên cơ sở phát triển từng bước từ loại hình xe điện nhanh (Electric Bus Rapid Transit) – đường sắt đô thị (sẽ lựa chọn loại hình trên cơ sở lưu lượng hành khách hình thành của giai đoạn trước).

- Đề xuất mới xây dựng hệ thống tàu điện treo 1 ray (sky-monorail) dọc 02 bên sông Hồng nhằm tạo nền tảng hệ thống giao thông công cộng kết nối tốt với tuyến waterbus, làm triệt tiêu sự ngăn cách về không gian của hệ thống đô thị, hữu Hồng, góp phần đưa đô thị “quy mặt hướng sông”. Tại các điểm kết nối các nhà ga (TOD cảnh quan) sẽ được kết hợp với dịch vụ du lịch văn hóa với các giá trị vaati thể và phi vật thể như bãi tắm Chữ Đồng Tử, Khu di tích bà Tấm Ý Lan, làng cổ Bát tràng...

- Đề xuất khôi phục 02/06 tuyến đường sắt cũ do Pháp đã đầu tư xây dựng (Ngã Tư Sở - Bờ Hồ và Bờ Hồ - Thụy Khuê) dưới hình thức Tram way (tàu điện trên mặt đất). Đây vừa là hình thức giao thông gần gũi với hình ảnh xe điện cũ, vừa có giá trị vận chuyển hành khách tốt hơn xe buýt, vừa có giá trị cung cấp dịch vụ du lịch, tham quan, kết nối các điểm du lịch lớn trong nội đô.

9.2. Điều chỉnh định hướng quy hoạch phòng chống lũ, thoát nước mặt và cao độ nền

9.2.1. Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

- Cập nhật Quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai quốc gia

- Giữ nguyên vị trí các tuyến đê hiện có, chỉ xem xét điều chỉnh cục bộ một số đoạn trong đó có một số đoạn đê sông Hồng, sông Đáy theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và Quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy

- Phòng chống lũ rừng ngang tại khu vực giáp vùng núi tại tỉnh Hòa Bình cập nhật theo nghiên cứu của Quy hoạch thủy lợi, được phê duyệt và được tích hợp vào Quy hoạch chung đô thị vệ tinh Hòa Lạc và đô thị Xuân Mai.

9.2.2. Thoát nước mưa

- Rà soát khớp nối quy hoạch thoát nước với quy hoạch chuyên ngành thủy lợi. Xác định vị trí quy mô công suất các tuyến và công trình đầu mối phục vụ

tiêu thoát nước, chống úng ngập cho thành phố; quản lý thoát nước các khu vực dân cư hiện có.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt đảm bảo diện tích, thể tích hệ thống hồ điều hoà để điều tiết nước mặt, khai thác các khu vực trũng, thấp để lưu giữ tạm thời nước mưa, tăng diện tích mặt phủ thấm hút nước cho các công trình giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật và khu vực công cộng khác. Các khu vực đô thị hiện hữu được giữ lại cải tạo và nâng cấp các hồ, sông, kênh rạch hiện có để đảm bảo thể tích lưu trữ và điều hoà nước mặt, đảm bảo diện tích hồ điều hoà từ 3-5% diện tích lưu vực để tránh gây quá tải hệ thống tiêu thủy lợi ở hạ nguồn.

- Các khu vực xây dựng hoàn toàn mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Các khu vực đã có mạng lưới thoát nước chung phải cải tạo thành hệ thống thoát nước nửa riêng hoặc hệ thống thoát nước riêng.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt khu vực phát triển mới không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mặt của các khu vực hiện hữu. Đảm bảo được nghiên cứu đồng bộ với định hướng phát triển không gian, quy hoạch giao thông, tổ chức hệ thống xây xanh - mặt nước cảnh quan; giảm thiểu thiệt hại do tác động của mưa bão, lũ lụt, sạt lở đất... đồng thời đảm bảo khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu

9.2.3. Cao độ nền xây dựng

- Rà soát khớp nối quy hoạch cao độ nền xây dựng với quy hoạch chuyên ngành thủy lợi về cao độ nền xây dựng tận dụng địa hình tự nhiên, không ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của các khu vực hiện hữu. Dự kiến cao độ nền xây dựng mới tại các khu vực ngoài bãi sông.

- Xác định cụ thể cốt xây dựng khống chế của từng khu vực trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch hệ thống thoát nước, có xem xét đến tác động kép của hiện tượng sụt lún nền đất và biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch cao độ nền được thiết kế với chu kỳ lặp lại mực nước ngập tính toán được xác định theo loại đô thị và phân khu chức năng đô thị

- Giữ lại tối đa mặt nước hiện có. Tận dụng, khai thác tối đa hệ thống trục tiêu thủy lợi chính hiện có để trước mắt không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và phục vụ tiêu thoát nước đô thị sau này.

9.3. Điều chỉnh định hướng quy hoạch cấp điện, năng lượng và chiếu sáng đô thị :

- Cập nhật các đồ án Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 đã được Bộ Công thương phê duyệt, bao gồm:

- + Lưới điện 500kV: Bổ sung TBA 500kV Nam Hà Nội, 500kV Sơn Tây; đường dây 500kV Tây Hà Nội - Trạm cắt Hòa Bình 2, 500kV Sơn Tây - Đan Phượng, 500kV Sơn Tây - Tây Hà Nội, 500kV đầu nối trạm biến áp 500kV Sơn Tây; 500KV Thường Tín – Long Biên.

- + Lưới điện 220kV: Bổ sung 04 TBA 220kV: Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Đại Mỗ, Thanh Xuân; các nhánh rẽ 220kV đầu nối.

+ Lưới điện 110kV: Bổ sung các trạm biến áp 110kV và nhánh rẽ 110kV đầu nối đảm bảo yêu cầu cấp điện cho thành phố Hà Nội.

+ Rà soát, điều chỉnh vị trí các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV và nhánh rẽ đầu nối đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến quá trình phát triển đô thị, phù hợp điều kiện thực tế về mặt bằng xây dựng công trình điện.

- Phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác ...) để tăng cường độ tin cậy cung cấp điện cho khu vực quy hoạch. Nghiên cứu bố trí các khu vực lưu trữ điện năng để góp phần hỗ trợ điều độ, đảm bảo an toàn cấp điện cho khu vực trung tâm thành phố Hà Nội.

- Quy hoạch chiếu sáng đô thị: Nâng cấp chất lượng lưới điện chiếu sáng chức năng, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo hiệu quả thẩm mỹ và tiện nghi đô thị. Cải tạo nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng gồm chiếu sáng giao thông, chiếu sáng công trình công cộng, chiếu sáng quảng cáo, lễ hội... Chiếu sáng đường phố đạt tỷ lệ 100% chiều dài đường chính và đường khu vực; nâng tỷ lệ chiếu sáng ngõ xóm đạt khoảng 75-80% chiều dài đường. Trang bị hệ thống điều khiển tự động, tập trung cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

- Quy hoạch năng lượng (xăng dầu, khí đốt) : rà soát cập nhật các định hướng quy hoạch Quy hoạch hạ tầng dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề nghiên cứu bố trí các khu vực di dời, phát triển mới hệ thống kho tàng, bến bãi phục vụ nhu cầu di dời các kho chứa hiện có (Đức Giang,) ; xác định cụ thể các tuyến truyền dẫn (xăng dầu, khí đốt) để đảm bảo bố trí hành lang an toàn theo quy định.

9.4. Điều chỉnh định hướng quy hoạch hạ tầng thông tin, truyền thông :

- Hạ tầng bưu chính: Xây dựng các trung tâm bưu chính Thủ đô Hà Nội. Phát triển các điểm phục vụ bưu chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử và kinh tế số tại địa phương cấp huyện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân. Phát triển hệ thống bưu cục thông minh cung cấp dịch vụ bưu chính số.

- Hạ tầng số: Xây dựng các cơ sở hạ tầng băng rộng di động (4G/5G). Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp giữa các phương thức cáp quang, di động, vệ tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thủ đô Hà Nội. Tăng chất lượng phủ sóng và dung lượng tại khu vực trung tâm thành phố, trung tâm các huyện, các khu di tích lịch sử, công trình kiến kiến trúc, các di sản văn hóa, các đình đền chùa, các bảo tàng, làng nghề truyền thống; các khu du lịch tâm linh, sinh thái, khu vui chơi giải trí, mua sắm...

- Mạng cáp ngoại vi: Ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông đi nổi hiện có trong khu vực phát triển đô thị. Các tuyến cáp xây dựng mới phải đi ngầm, đảm bảo đồng bộ.

- Xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (hào, tuynel kỹ thuật) để bố trí chung các công trình hạ tầng kỹ thuật (trong đó có hệ thống mạng cáp ngoại vi thông tin).

9.5. Điều chỉnh định hướng quy hoạch cấp nước:

- Rà soát, cập nhật định hướng cấp nước đã được xác định tại đồ án điều chỉnh quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Nghiên cứu bổ sung các nguồn cấp, đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh và ổn định, đáp ứng nhu cầu cấp nước cho bộ Thủ đô Hà Nội sau điều chỉnh; Hiện đại hóa hệ thống quản lý, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác sản xuất, vận hành hệ thống và kinh doanh nước sạch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu để cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn với cùng một tiêu chuẩn về chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn hiện hành; Đề xuất các cơ chế, chính sách về cấp nước sạch, đảm bảo thu hút các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển và quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

- Chỉ tiêu giai đoạn 2030-2045: tỷ lệ dân cư đô thị trung tâm được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 100% với tiêu chuẩn dùng nước 170lít/người.ngày; tỷ lệ dân cư đô thị vệ tinh, thị trấn đạt 100% với tiêu chuẩn dùng nước 150lít/người.ngày; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 100% với tiêu chuẩn dùng nước 120lít/người.ngày; Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đạt dưới 10%.

- Xác định tổng nhu cầu cấp nước toàn thủ đô Hà Nội: đến năm 2030: 3.000.000 m³/ngđ; đến năm 2045: 3.600.000 m³/ngđ.

- Nguồn nước: Ưu tiên khai thác sử dụng nguồn nước mặt (sông Hồng, sông Đà và sông Đuống), từng bước giảm dần khai thác nguồn nước ngầm, nghiên cứu khả năng chuyển đổi sử dụng nguồn nước sông Hồng thay thế cho các nhà máy nước ngầm gần nguồn nước mặt, xây dựng hệ thống cấp nước kết nối liên vùng nhằm đa dạng phương án cấp nước cho Thủ đô Hà Nội.

- Phân vùng cấp nước: phân 05 vùng tính toán cấp nước nhằm cân bằng nguồn nước trong từng vùng đảm bảo cấp nước ổn định cho thủ đô Hà Nội.

9.6. Điều chỉnh định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

- Dự báo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2030 và 2045 lần lượt khoảng: 2.200.000 m³/ngđ và 2.600.00 m³/ngđ.

- Giải pháp quy hoạch :

Mạng lưới thu gom thoát nước thải chính (cống bao tách nước thải) được bổ sung, bố trí dọc các tuyến sông, kênh, mương và hồ điều hòa để phù hợp với hiện trạng thoát nước của thành phố, không để tình trạng nước thải chảy trực tiếp ra sông, hệ thống kênh mương hở, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và thuận lợi trong việc phân kì đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải

Khu vực trung tâm phía Nam sông Hồng (thuộc lưu vực Tô Lịch và một phần lưu vực Tả Nhuệ) sẽ phát triển hệ thống thoát nước hỗn hợp trên cơ sở mạng lưới thoát nước chung đã có. Khu vực phía Nam sông Hồng (thuộc khu vực hữu Nhuệ đến sông Đáy và một phần lưu vực Tả Nhuệ còn lại), khu vực trung tâm phía Bắc sông Hồng và khu vực các đô thị vệ tinh sẽ từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước riêng. Trên cơ sở cải tạo hệ thống thu gom nước thải

đối với các khu đô thị cũ xen lẫn, hướng tới phát triển mạng lưới thu gom nước thải riêng. Cụ thể :

+ Các khu vực đô thị: định hướng quy hoạch 56 lưu vực chính và 56 nhà máy XLNT đầu mối với tổng công suất dự kiến điều chỉnh đến năm 2030 và 2045 lần lượt khoảng 2.000.000 m³/ngđ và 2.300.000 m³/ngđ. Kiểm tra, rà soát, tính toán nhu cầu, lưu lượng nước thải phát sinh đảm bảo phù hợp với nhu cầu cấp nước, quy mô dân số và quá trình phát triển đô thị đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 để xác định công suất các nhà máy xử lý nước thải tập trung, tránh lãng phí, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng (cho phép giảm trừ công suất các nhà máy xử lý nước thải tập trung và điều chỉnh mạng lưới cống thu gom tương ứng khi các khu đô thị trong phạm vi lưu vực thu gom, xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung đã có trạm xử lý nước thải cục bộ, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định).

+ Các khu vực nông thôn:

Các khu vực nông thôn liền kề đô thị sẽ được thu gom cùng hệ thống thoát nước đô thị, các khu vực khác sẽ được nghiên cứu xử lý nước thải phân tán tại chỗ.

9.7. Điều chỉnh định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Chỉ tiêu tính toán tiếp tục áp dụng theo quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổng lượng CTR phát sinh trên địa bàn thành phố đến năm 2030 khoảng 18.000 tấn/ngđ; đến năm 2045 khoảng 23.000 tấn/ngđ.

Bố trí hợp lý các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn Thành phố theo 3 vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn bao gồm: vùng phía Bắc (vùng I), vùng phía Nam (vùng II) và vùng phía Tây (vùng III); mở rộng phạm vi phục vụ cho khu vực ngoại thành và nông thôn. Rà soát, cập nhật công suất, điều chỉnh vị trí các khu xử lý đã được xác định theo quy hoạch có công suất nhỏ không phát huy hiệu quả đầu tư, không phù hợp với điều kiện thực tế đưa ra khỏi quy hoạch.

- Chuyển đổi hình thức xử lý chất thải rắn từ chôn lấp hợp vệ sinh sang xử lý theo công nghệ để tiết kiệm đất (như: Đốt thu hồi năng lượng, thu hồi khí...); Xây dựng các cơ chế chính sách thúc đẩy đầu tư quản lý chất thải rắn...

- Đối với khu xử lý chất thải Sóc Sơn theo định hướng quy hoạch QLCTR rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xác định là khu xử lý chất thải rắn nguy hại cấp vùng. Tuy nhiên, do quỹ đất chỉ đảm bảo phục vụ cho nhu cầu xử lý CTR của Thủ đô, kiến nghị không bố trí nhu cầu xử lý CTR cấp vùng tại vị trí này. Xây dựng hoàn thiện và đồng bộ hạ tầng thu gom vận chuyển cho các khu xử lý chất thải cấp Thành phố theo các phân vùng: Khu xử lý chất thải Phù Đổng (20 ha); Việt Hùng (8,75 ha); Châu Can (20 ha); Tả Thanh Oai (13 ha); Cao Dương (15 ha); Xuân Sơn (73,5 ha), Núi Thoong (10 ha); Đồng Ké (21 ha).

- Từng bước theo lộ trình đóng cửa, phục hồi và cải tạo môi trường đối với các khu xử lý chất thải đã lấp đầy, các bãi chôn lấp rác thải tạm và các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh.

9.8. Điều chỉnh định hướng quy hoạch quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ :

- Tổng nhu cầu đất an táng toàn Thành phố đến năm 2030 khoảng 73 ha trong đó khu vực đô thị khoảng 38 ha, khu vực nông thôn khoảng 35 ha; đến năm 2045 khoảng 230 ha trong đó khu vực đô thị khoảng 140 ha, khu vực nông thôn khoảng 88 ha (chưa bao gồm nhu cầu đất đai phục vụ nhu cầu di dời các nghĩa trang hiện hữu nằm trong phạm vi thực hiện các dự án kinh tế xã hội).

- Giữ lại tối đa quỹ đất nghĩa trang cấp vùng và cấp thành phố đã được phê duyệt quy hoạch để dự trữ cho nhu cầu dài hạn của Thành phố (Yên Kỳ 2 và Vĩnh Hằng...) kết hợp với việc sử dụng các công viên nghĩa trang của các tỉnh lân cận để phục vụ nhu cầu an táng của người dân Thủ đô.

- Rà soát, đánh giá lại khả năng đáp ứng quỹ đất của thành phố và đề điều chỉnh lại quy hoạch mạng lưới nghĩa trang cấp thành phố, nghĩa trang cấp huyện không thể triển khai hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô (các nghĩa trang theo quy hoạch trước đây nằm lọt vào các khu vực dự kiến phát triển đô thị hoặc chuyển từ huyện lên quận) đảm bảo khoảng cách ly về môi trường và có sự đồng thuận của người dân.

- Ưu tiên sử dụng quỹ đất nghĩa trang đã xác định theo quy hoạch khi chưa được đầu tư xây dựng thì được sử dụng để phục vụ cho các nhu cầu quy tập mộ, di chuyển mồ mã khi thực hiện các dự án phát triển đô thị.

- Giảm bớt số lượng công trình hỏa táng và phân bố các nghĩa trang theo phân vùng, cụ thể:

- Nghĩa trang liên tỉnh: Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ (583 ha); sử dụng hình thức táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng và các tỉnh lân cận (Hòa Bình, Phú Thọ...).

- Nghĩa trang cấp Thành phố: Khu vực trung tâm: Tiếp tục sử dụng đài hỏa táng Văn Điển bổ sung chức năng cát táng tro cốt. Khu vực phía Tây: mở rộng nghĩa trang Vĩnh Hằng tại huyện Ba Vì (87 ha: táng tổng hợp); nghĩa trang Thạch Thất (44 ha: lưu tro cốt, cát táng). Khu vực phía Bắc: nghĩa trang Thanh Tước (23 ha: hỏa táng, lưu tro cốt, cát táng); nghĩa trang Sóc Sơn (100 ha, lưu tro cốt, cát táng). Khu vực phía Nam: nghĩa trang Chuyên Mỹ (30 ha: hỏa táng, lưu tro cốt, cát táng).

- Bổ sung quỹ đất Nhà tang lễ cho các khu vực đô thị mới.

10. Đề xuất, kiến nghị:

Trên đây là báo cáo về nội dung Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; nội dung nghiên cứu cơ bản thống nhất, đồng bộ với Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 và thống nhất, đồng bộ với nội dung nghiên cứu Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô đã được tổ chức lấy ý kiến chính quyền các địa phương, các cơ quan, đơn vị, các chuyên gia, nhà nghiên cứu, khoa học, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư các quận, huyện, thị xã trên toàn Thành phố; ý kiến góp ý, hướng dẫn của Tổ công tác của Bộ Xây

dựng; đã được UBND Thành phố xem xét thông qua tại phiên họp tháng 11/2023 (Thông báo số 1074 /TB-UBND ngày 14/11/2023); Ban cán sự Đảng UBND Thành phố thông qua tại Thông báo số 447-TB/BCSD ngày 16/11/2023; Thường trực Thành ủy đã xem xét, thông qua tại cuộc họp ngày 15/11/2023; Ban Thường vụ Thành ủy đã xem xét, thông qua tại cuộc họp ngày 17/11/2023; Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố đã xem xét, thông qua tại Hội nghị lần thứ 14 ngày 24/11/2023; đến nay đủ điều kiện báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét có nghị quyết thông qua, làm cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy trình, quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua “Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065” tại kỳ họp thứ 14 của HĐND Thành phố, làm cơ sở để UBND Thành phố triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy; (để báo cáo)
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND TP;
- Các Ban thuộc HĐND Thành phố;
- Các Sở: QHKT, KH&ĐT;
- Viện QHXD; Viện NCPTKT-XH;
- VPUBTP: CVP, PCVP V. T. Anh,
- các phòng TH, ĐT_{Thăng};
- Lưu: VT, ĐT_{A1},

66723

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

